

# **SỔ hướng dẫn sử dụng**

**Dell E1916H**

**Dell E1916He**

**Dell E2016H**

**Dell E2216H**




**Dell E2316H**

**Dell E2316Hr**

**Dell E2416H / E2416HM**

Mẫu quy định: E1916Hf / E1916Hef / E2016Hb / E2216Hf / E2316Hf  
/ E2416Hb



-  **LƯU Ý:** LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng màn hình của mình tốt hơn.
-  **CHÚ Ý:** LƯU Ý cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO:** CẢNH BÁO cho biết nguy cơ gây thiệt hại tài sản, tổn thương cơ thể hoặc chết người.

© 2015~201- Dell Inc. Bảo lưu mọi bản quyền.

Dữ liệu trong tài liệu này chịu sự thay đổi mà không cần thông báo. Nghiêm cấm sao chép các tài liệu này dưới mọi hình thức nếu không có văn bản cho phép của Dell Inc.

Các thương hiệu dùng trong tài liệu này: Dell™ và logo DELL là thương hiệu của Công ty Dell; Microsoft®, Windows®, và logo nút khởi động Windows là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Tập đoàn Microsoft tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Các thương hiệu và nhãn hiệu khác có thể được sử dụng trong tài liệu này để đề cập đến những cơ quan xác nhận nhãn hiệu và tên sản phẩm của họ. Dell Inc. từ chối bất kỳ quyền sở hữu nào đối các thương hiệu và nhãn hiệu ngoại trừ thương hiệu và nhãn hiệu của chúng tôi.

**Bản sửa đổi A0, - Tháng - /2019**

# Mục lục

<b>Giới thiệu màn hình</b> . . . . .	<b>5</b>
Phụ kiện đóng gói . . . . .	5
Tính năng sản phẩm . . . . .	6
Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển . . . . .	7
Thông số kỹ thuật màn hình . . . . .	9
Tính năng Cấm Là Chạy . . . . .	13
Chất lượng và quy định pixel của màn hình LCD . . . . .	19
Hướng dẫn bảo dưỡng . . . . .	20
<b>Lắp đặt màn hình</b> . . . . .	<b>21</b>
Gắn giá đỡ . . . . .	21
Kết nối màn hình của bạn . . . . .	22
Bố trí cáp . . . . .	23
Tháo giá đỡ màn hình . . . . .	23
Giá treo tường (Tùy chọn) . . . . .	24
<b>Sử dụng màn hình</b> . . . . .	<b>25</b>
Bật nguồn màn hình . . . . .	25
Sử dụng các nút điều khiển mặt trước . . . . .	25
Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD) . . . . .	26
Cài đặt độ phân giải tối đa . . . . .	54
Sử dụng độ nghiêng . . . . .	56

<b>Khắc phục sự cố</b> . . . . .	<b>57</b>
Tự kiểm tra . . . . .	57
Chẩn đoán tích hợp . . . . .	58
Các sự cố thường gặp . . . . .	59
Sự cố liên quan đến sản phẩm . . . . .	62
Sự cố hệ thống loa Dell . . . . .	63
<b>Phụ lục</b> . . . . .	<b>65</b>
Hướng dẫn an toàn . . . . .	65
Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin Quy định Khác . . . . .	65
Liên hệ Dell . . . . .	65

# Giới thiệu về màn hình của bạn

## Phụ kiện đóng gói

Màn hình của bạn được gửi cùng với các phụ kiện như liệt kê dưới đây. Đảm bảo bạn đã nhận tất cả các phụ kiện này và **Contact Dell** nếu thiếu bất kỳ phụ kiện nào.

**LƯU Ý:** Một số phụ kiện có thể là tùy chọn và có thể không được gửi cùng với màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một vài quốc gia.

	<ul style="list-style-type: none"><li>• Màn hình</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Giá đỡ</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Chân đế</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Nắp đậy vít VESA™</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cáp điện (khác nhau tùy theo từng quốc gia)</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cáp DisplayPort (cho E1916H / E1916He / E2016H / E2216H / E2316H / E2416H)</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cáp VGA (cho E2316Hr / E2416HM)</li></ul>



- Sổ hướng dẫn cài đặt nhanh
- Thông tin an toàn và quy định

## Tính năng sản phẩm

Màn hình phẳng Dell E1916H / E1916He / E2016H / E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM có một ma trận hoạt động, bóng bán dẫn màng mỏng, bàn hình tinh thể lỏng và đèn nền LED. Các tính năng của màn hình gồm:

- **E1916H / E1916He:** Cỡ hình có thể xem nghiêng 47,01 cm (18,51 inches), độ phân giải 1366 x 768, cùng khả năng hỗ trợ toàn màn hình với độ phân giải thấp hơn.
- **E2016H:** Cỡ hình có thể xem nghiêng 49,41 cm (19,5 inch), độ phân giải 1600 x 900, cùng khả năng hỗ trợ toàn màn hình với độ phân giải thấp hơn.
- **E2216H:** Cỡ hình có thể xem nghiêng 54,61 cm (21,5 inches), độ phân giải 1920 x 1080, cùng khả năng hỗ trợ toàn màn hình với độ phân giải thấp hơn.
- **E2316H / E2316Hr:** Cỡ hình có thể xem nghiêng 58,42 cm (23,0 inches), độ phân giải 1920 x 1080, cùng khả năng hỗ trợ toàn màn hình với độ phân giải thấp hơn.
- **E2416H / E2416HM:** Cỡ hình có thể xem nghiêng 60,97 cm (24,0 inches), độ phân giải 1920 x 1080, cùng khả năng hỗ trợ toàn màn hình với độ phân giải thấp hơn.
- Khả năng điều chỉnh độ nghiêng.
- Bệ đỡ rời và các lỗ lắp đặt 100 mm theo Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA) giúp mang lại các giải pháp lắp đặt linh động.
- Có sẵn tính năng Cắm Là Chạy (Plug and play) nếu được hỗ trợ bởi hệ thống của bạn.
- Điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Khe khóa an toàn.
- Khả năng quản lý tài sản.
- CECP (áp dụng cho Trung Quốc)
- Tuân thủ tiêu chuẩn RoHS.
- **E1916He / E2016H / E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM:** Màn hình được chứng nhận TCO.
- Phần mềm Energy Gauge hiển thị mức điện năng đang được tiêu thụ trong thời gian thực bởi màn hình.
- Điều chỉnh mờ đèn nền analog để màn hình không nhấp nháy.

# Nhận dạng các bộ phận và nút điều khiển

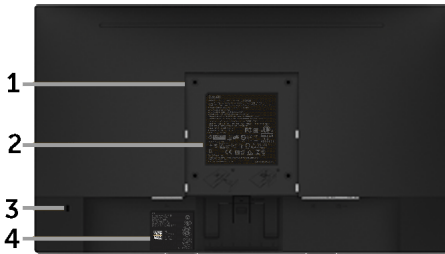
## Mặt trước



1.	Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Operating the Monitor</a> )
2.	Nút bật/tắt nguồn (kèm theo đèn báo LED)

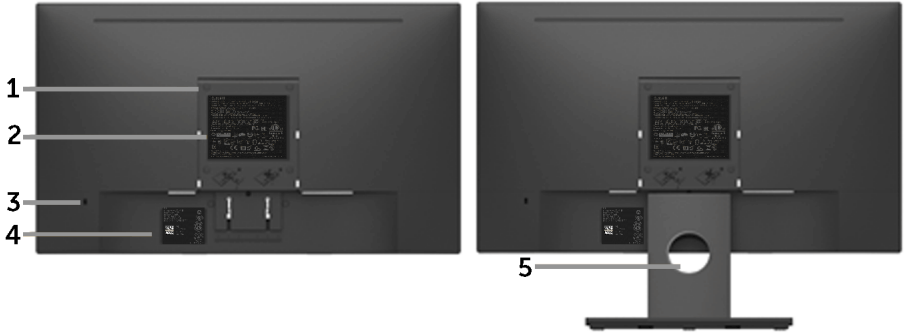
## Mặt sau

E1916H / E1916He / E2016H:



Mặt sau cùng giá đỡ màn hình

**E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM:**



Mặt sau cùng giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Lỗ lắp đặt theo VESA (100 mm)	Để lắp đặt màn hình.
2	Nhãn công suất quy định	Liệt kê các thông số phê duyệt theo quy định.
3	Khe khóa an toàn	Giữ chặt màn hình bằng khóa an toàn (khóa an toàn không kèm theo màn hình).
4	Nhãn số serial mã vạch	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật.
5	Khe quản lý cáp	Dùng để sắp xếp các loại cáp bằng cách đặt chúng xuyên qua khe này.

**Mặt bên**



**Mặt phải**



## Mặt dưới



Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Đầu cắm nguồn AC	Để cắm cáp nguồn màn hình.
2	Đầu cắm Displayport	Để cắm máy tính vào màn hình bằng cáp DP.
3	Đầu cắm cáp VGA	Để cắm máy tính vào màn hình bằng cáp VGA.
4	Khe cắm hệ thống loa Dell	Để lắp đặt hệ thống loa Dell tùy chọn.

## Thông số kỹ thuật màn hình

Các phần sau đây cung cấp cho bạn thông tin về nhiều chế độ quản lý nguồn điện và cách thức gán chấu cắm khác nhau cho những đầu cắm khác nhau trên màn hình.

### Chế độ quản lý nguồn điện

Nếu bạn đã lắp đặt card màn hình hay phần mềm tuân thủ chuẩn DPM (Quản Lý Nguồn Điện Động) của VESA vào máy tính, màn hình sẽ tự động giảm mức tiêu thụ điện khi không sử dụng. Chức năng này được gọi là Chế Độ Tiết Kiệm Điện. Nếu máy tính phát hiện đầu vào từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị đầu vào khác, màn hình sẽ tự động tiếp tục hoạt động. Bảng sau đây sẽ trình bày mức tiêu thụ điện và cách truyền tín hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này:

E1916H / E1916He:

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Đèn báo nguồn	Mức tiêu thụ điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	17 W (Tối đa)** 14 W (Chuẩn)
Chế độ tắt hoạt động	Không hoạt động	Không hoạt động	Trống	Sáng màu trắng	Dưới 0,3 W
Tắt	-	-		Tắt	Dưới 0,3 W

Vã~ Á/@ Á ã } Á } * Á[ }	10.4 W
V } * Á & Áã~ Á/@ Á } * Á } * Á VOOD	34,3 kWh

E2016H:

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Đèn báo nguồn	Mức tiêu thụ điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	19 W (Tối đa)** 15 W (Chuẩn)
Chế độ tắt hoạt động	Không hoạt động	Không hoạt động	Trống	Sáng màu trắng	Dưới 0,3 W
Tắt	-	-		Tắt	Dưới 0,3 W

Vã~ Á@Á ā } Á } * Á[ }	11,2 W
V } * Á &Áã~ Á@ Á } * Á } * Á\OÔD	35 kWh

E2216H:

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Đèn báo nguồn	Mức tiêu thụ điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	24 W (Tối đa)** 18 W (Chuẩn)
Chế độ tắt hoạt động	Không hoạt động	Không hoạt động	Trống	Sáng màu trắng	Dưới 0,3 W
Tắt	-	-		Tắt	Dưới 0,3 W

Vã~ Á@Á ā } Á } * Á[ }	15,4 W
V } * Á &Áã~ Á@ Á } * Á } * Á\OÔD	49,6 kWh

E2316H / E2316Hr:

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Đèn báo nguồn	Mức tiêu thụ điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	25 W (Tối đa)** 20 W (Chuẩn)
Chế độ tắt hoạt động	Không hoạt động	Không hoạt động	Trống	Sáng màu trắng	Dưới 0,3 W
Tắt	-	-		Tắt	Dưới 0,3 W

Vã~ Á@Á ā } Á } * Á[ }	15,8 W
V } * Á &Áã~ Á@ Á } * Á } * Á\OÔD	50,1 kWh

E2416H / E2416HM:

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Đèn báo nguồn	Mức tiêu thụ điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	27 W (Tối đa)** 22 W (Chuẩn)
Chế độ tắt hoạt động	Không hoạt động	Không hoạt động	Trống	Sáng màu trắng	Dưới 0,3 W
Tắt	-	-		Tắt	Dưới 0,3 W

Vũ̃ Ắ@Á ấ } Ắ } * Ắ[ }	16,7 W
V } * Ắ & Ắ ấ Ắ@ Ắ } * Ắ } * Ắ ỒỒ	51,9 kWh

\*Bạn chỉ có thể đạt được mức tiêu thụ điện bằng 0 ở chế độ TẮT (OFF) bằng cách ngắt cáp chính khỏi màn hình.

\*\* Mức tiêu thụ điện tối đa khi độ sáng và độ tương phản ở mức tối đa.

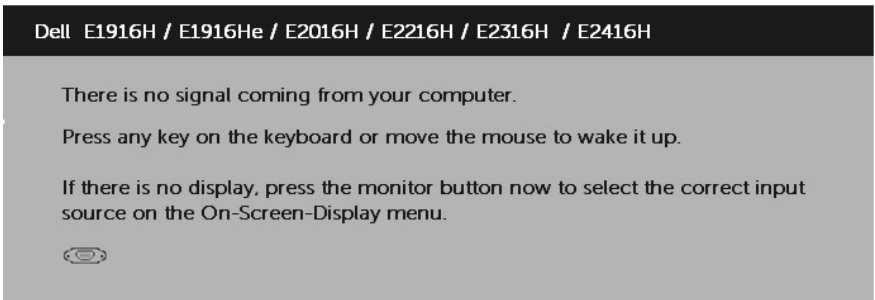
Tài liệu này chỉ dùng để thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động tại phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể hoạt động khác đi, tùy vào phần mềm, phụ kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách nào khác. Sự bảo đảm về độ chính xác hoặc hoàn chỉnh của sản phẩm cũng không được nêu rõ hay ngụ ý bởi chúng tôi.

**LƯU Ý:**

Vũ̃ Ắ@Á ấ } Ắ } \* Ắ Ắ Ồ@Á Ồ } Ắ & Ắ [ Ắ@ [ Ắ@ } Ắ @ Ắ ấ { Ắ Ồ } Ắ ^! \*  
ỒỒ

VỒỒ : Tổng lượng tiêu thụ điện năng tính bằng đơn vị kWh được đo theo phương pháp kiểm tra Energy Star

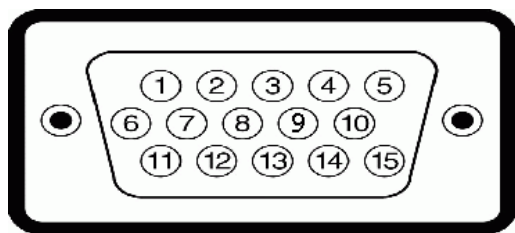
Menu OSD sẽ chỉ hoạt động ở chế độ *hoạt động bình thường*. Khi nhấn bất kỳ nút nào trừ nút nguồn ở chế độ Tắt hoạt động, các thông báo sau đây sẽ hiển thị:



Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập vào **OSD**.

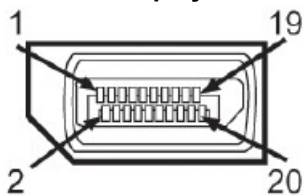
# Cách gán chấu cắm

Đầu cắm D-Sub 15 chấu



Số chấu cắm	Cạnh màn hình có cáp tín hiệu bên cạnh 15 chấu
1	Video-Đỏ
2	Video-Xanh lục
3	Video-Xanh lam
4	GND (Tiếp đất)
5	Tự kiểm tra
6	GND-Đỏ
7	GND-Xanh lục
8	GND-Xanh lam
9	DDC (kênh dữ liệu màn hình) +5 V
10	GND-đồng bộ
11	GND (Tiếp đất)
12	Dữ liệu DDC
13	Đồng bộ ngang
14	Đồng bộ dọc
15	Đồng hồ DDC

## Đầu cắm DisplayPort



Số chấu cắm	Phía 20 chấu của cáp tín hiệu vừa kết nối
1	ML0(p)
2	GND (Tiếp đất)
3	ML0(n)
4	ML1(p)
5	GND (Tiếp đất)
6	ML1(n)
7	ML2(p)
8	GND (Tiếp đất)
9	ML2(n)
10	ML3(p)
11	GND (Tiếp đất)
12	ML3(n)
13	GND (Tiếp đất)
14	GND (Tiếp đất)
15	Cáp AUX(p)
16	GND (Tiếp đất)
17	Cáp AUX(n)
18	HPD (Phát hiện cắm nóng)
19	Tiếp đất DP_PWR_Return
20	+Chấu DP_PWR 3,3 V

# Tính năng Cẩm Là Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cẩm Là Chạy. Màn hình tự động cung cấp cho máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Hầu hết các cài đặt màn hình đều là tự động. Bạn có thể chọn các cài đặt khác nhau nếu cần thiết.

## Thông số màn hình phẳng

Số hiệu mẫu	E1916H / E1916He	E2016H	E2216H
Loại màn hình	Ma trận hoạt động - TFT LCD	Ma trận hoạt động - TFT LCD	Ma trận hoạt động - TFT LCD
Loại bảng điều khiển	TN	TN	TN
Hình có thể xem			
Nghiêng	470,1 mm (18,51 inches)	494,1 ± 0,02 mm (19,5 ± 0,05 inches)	546,1 mm (21,5 inches)
Vùng hoạt động ngang	409,8 mm (16,13 inches)	432,0 ± 1,92 mm (17,0 ± 0,08 inches)	476,06 mm (18,74 inches)
Vùng hoạt động dọc	230,4 mm (9,07 inches)	239,76 ± 3,42 mm (9,44 ± 0,13 inch)	267,79 mm (10,54 inches)
Vùng	94417,92 mm (146,35 inches)	102552,65 ± 1050 mm <sup>2</sup> (158,84 ± 1,56 inches <sup>2</sup> )	127484,10 mm (197,52 inches)
Độ pixel	0,30 x 0,30 mm	0,248 ± 0,022 x 0,248 ± 0,022 mm	0,248 x 0,248 mm
Góc xem:			
Ngang	Chuẩn 90°	Chuẩn 170°	Chuẩn 170°
Dọc	Chuẩn 65°	Chuẩn 160°	Chuẩn 160°
Đầu ra độ sáng	200 cd/m <sup>2</sup> (chuẩn)	250 cd/m <sup>2</sup> (chuẩn)	250 cd/m <sup>2</sup> (chuẩn)
Tỷ lệ tương phản	600 - 1 (chuẩn)	1000 - 1 (chuẩn)	1000 - 1 (chuẩn)
Lớp phủ tấm mặt	Chống chói mắt với lớp phủ cứng 3H	Chống chói mắt với lớp phủ cứng 3H	Chống chói mắt với lớp phủ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn LED viền	Hệ thống đèn LED viền	Hệ thống vạch sáng đèn LED
Thời gian hồi đáp	Chuẩn 5 mili giây (đen sang trắng)	Chuẩn 5 mili giây (đen sang trắng)	Chuẩn 5 mili giây (đen sang trắng)
Độ sâu màu	16,7 triệu màu	16,7 triệu màu	16,7 triệu màu
Gam màu	82 % (chuẩn) *	86 % (chuẩn) *	84 % (chuẩn) *

<b>Số hiệu mẫu</b>	<b>E2316H / E2316Hr</b>	<b>E2416H / E2416HM</b>
Loại màn hình	Ma trận hoạt động - TFT LCD	Ma trận hoạt động - TFT LCD
Loại bảng điều khiển	TN	TN
Hình có thể xem		
Nghiêng	584,2 mm (23,0 inches)	609,7 mm (24,0 inches)
Vùng hoạt động ngang	509,18 mm (20,05 inches)	531,36 mm (20,91 inches)
Vùng hoạt động dọc	286,42 mm (11,28 inches)	298,89 mm (11,77 inches)
Vùng	145839,34 mm (226,16 inches)	158818,19 mm (246,11 inches)
Độ pixel	0,265 x 0,265 mm	0,27675 x 0,27675 mm
Góc xem:		
Ngang	Chuẩn 170°	Chuẩn 170°
Dọc	Chuẩn 160°	Chuẩn 160°
Đầu ra độ sáng	250 cd/m <sup>2</sup> (chuẩn)	250 cd/m <sup>2</sup> (chuẩn)
Tỷ lệ tương phản	1000 - 1 (chuẩn)	1000 - 1 (chuẩn)
Lớp phủ tấm mặt	Chống chói mắt với lớp phủ cứng 3H	Chống chói mắt với lớp phủ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống vạch sáng đèn LED	Hệ thống đèn LED viền
Thời gian hồi đáp	Chuẩn 5 mili giây (đen sang trắng)	Chuẩn 5 mili giây (đen sang trắng)
Độ sâu màu	16,7 triệu màu	16,7 triệu màu
Gam màu	83 % (chuẩn) *	86 % (chuẩn) *

\*Gam màu (chuẩn) của màn hình E1916H / E1916He dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm CIE1976 (82 %) và CIE1931 (72 %). Gam màu (chuẩn) của màn hình E2016H/E2416H / E2416HM dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm CIE1976 (86 %) và CIE1931 (72 %). Gam màu (chuẩn) của màn hình E2216H dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm CIE1976 (84 %) và CIE1931 (72 %). Gam màu (chuẩn) của màn hình E2316H/E2316Hr dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm CIE1976 (83 %) và CIE1931 (72 %).

## Thông số kỹ thuật độ phân giải

<b>Số hiệu mẫu</b>	<b>E1916H / E1916He</b>	<b>E2016H</b>	<b>E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM</b>
Phạm vi dò			
• Ngang	30 kHz - 83 kHz (tự động)		
• Dọc	56 Hz - 76 Hz (tự động)		
Độ phân giải cài sẵn tối đa	1366 x 768 ở mức 60 Hz	1600 x 900 ở mức 60 Hz	1920 x 1080 ở mức 60 Hz

## Thông số kỹ thuật điện

<b>Số hiệu mẫu</b>	<b>E1916H / E1916He / E2216H / E2316H / E2316Hr</b>	<b>E2016H / E2416H / E2416HM</b>
Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none"> <li>• RGB tương tự: 0,7 vôn ± 5 %, trở kháng đầu vào 75 ohm</li> <li>• DisplayPort*, 600mV cho từng dòng khác biệt, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt</li> </ul>	
Tín hiệu đầu vào đồng bộ	Đồng bộ ngang và dọc riêng rẽ, mức TTL vô cực, SOG (ĐỒNG BỘ tổng hợp ở màu xanh lục)	
Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC	100 VAC - 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz ± 3 Hz / 1,0 A (chuẩn)	100 VAC - 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz ± 3 Hz / 0,8 A (chuẩn)
Dòng điện vào	120 V: 30 A (Tối đa) 240 V: 60 A (Tối đa)	

## Chế độ màn hình cài sẵn

Bảng sau đây liệt kê các chế độ cài sẵn mà theo đó Dell đảm bảo cỡ hình và cách định tâm:

### E1916H / E1916He:

Chế độ màn hình	Tần số ngang (kHz)	Tần số dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	59,9	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+



VESA, 1366 x 768	47,7	59,8	85,5	+/+
------------------	------	------	------	-----

**E2016H:**

<b>Chế độ màn hình</b>	<b>Tần số ngang (kHz)</b>	<b>Tần số dọc (Hz)</b>	<b>Đồng hồ điểm ảnh (MHz)</b>	<b>Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)</b>
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	59,9	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 900	60,0	60,0	108,0	+/+

**E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM:**

<b>Chế độ màn hình</b>	<b>Tần số ngang (kHz)</b>	<b>Tần số dọc (Hz)</b>	<b>Đồng hồ điểm ảnh (MHz)</b>	<b>Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)</b>
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	59,9	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 900	60,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+

## Đặc điểm vật lý

Bảng sau đây liệt kê các đặc điểm vật lý của màn hình:

Số hiệu mẫu	E1916H/E1916He	E2016H	E2216H
Loại đầu cắm	Cực nhỏ D (D-Sub) 15 chấu (Đầu cắm xanh lam) Đầu cắm đen		
Loại cáp tín hiệu	Analog: D-Sub, 15 chấu (không kèm theo cáp) Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chấu		
Kích thước: (có giá đỡ)			
Chiều cao	359,0 mm (14,13 inches)	368,9 mm (14,52 inch)	396,7 mm (15,62 inches)
Chiều rộng	445,4 mm (17,54 inches)	471,5 mm (18,56 inch)	512,2 mm (20,17 inches)
Độ dày	167,0 mm (6,57 inches)	167,0 mm (6,57 inches)	180,0 mm (7,09 inch)
Kích thước: (có có giá đỡ)			
Chiều cao	266,0 mm (10,47 inches)	275,4 mm (10,84 inch)	303,7 mm (11,96 inches)
Chiều rộng	445,4 mm (17,54 inches)	471,5 mm (18,56 inch)	512,2 mm (20,17 inches)
Độ dày	51,5 mm (2,03 inches)	51,5 mm (2,03 inches)	50,5 mm (1,99 inches)
Kích thước giá đỡ:			
Chiều cao	156,0 mm (6,14 inches)	156,0 mm (6,14 inches)	177,0 mm (6,97 inches)
Chiều rộng	220,0 mm (8,66 inches)	220,0 mm (8,66 inches)	250,0 mm (9,84 inches)
Độ dày	167,0 mm (6,57 inches)	167,0 mm (6,57 inches)	180,0 mm (7,09 inch)
Trọng lượng:			
Trọng lượng có thùng đựng	3,60 kg (7,94 pound)	4,11 kg (9,06 pound)	4,85 kg (10,69 pound)
Trọng lượng có kèm theo giá đỡ lắp vào và các loại cáp	3,00 kg (6,61 pound)	2,92 kg (6,44 pound)	3,63 kg (8,0 pound)
Trọng lượng có kèm theo giá đỡ lắp vào (Xem xét đến giá đỡ treo tường hoặc giá đỡ VESA - chưa có cáp)	2,26 kg (4,98 pound)	2,22 kg (4,89 pound)	2,84 kg (6,26 pound)
Trọng lượng của giá đỡ lắp vào	0,46 kg (1,01 pound)	0,46 kg (1,01 pound)	0,52 kg (1,15 pound)

<b>Số hiệu mẫu</b>	<b>E2316H / E2316Hr</b>	<b>E2416H / E2416HM</b>
Loại đầu cắm	Cực nhỏ D (D-Sub) 15 chấu (Đầu cắm xanh lam) DP, đầu cắm mặt sau	
Loại cáp tín hiệu	Analog: D-Sub, 15 chấu (kèm theo cáp chỉ áp dụng cho mẫu E2316Hr) Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chấu (không kèm theo cáp áp dụng cho mẫu E2316Hr)	
Kích thước: (có giá đỡ)		
Chiều cao	415,0 mm (16,34 inches)	427,58 mm (16,83 inches)
Chiều rộng	544,8 mm (21,45 inches)	566,96 mm (22,32 inches)
Độ dày	180,0 mm (7,09 inch)	180,0 mm (7,09 inch)
Kích thước: (có có giá đỡ)		
Chiều cao	322,0 mm (12,68 inches)	334,58 mm (13,17 inches)
Chiều rộng	544,8 mm (21,45 inches)	566,96 mm (22,32 inches)
Độ dày	50,5 mm (1,99 inches)	50,5 mm (1,99 inches)
Kích thước giá đỡ:		
Chiều cao	177,0 mm (6,97 inches)	177,0 mm (6,97 inches)
Chiều rộng	250,0 mm (9,84 inches)	250,0 mm (9,84 inches)
Độ dày	180,0 mm (7,09 inch)	180,0 mm (7,09 inch)
Trọng lượng:		
Trọng lượng có thùng đựng	5,09 kg (11,22 pound)	5,23 kg (11,53 pound)
Trọng lượng có kèm theo giá đỡ lắp vào và các loại cáp	3,77 kg (8,31 pound)	3,84 kg (8,47 pound)
Trọng lượng có kèm theo giá đỡ lắp vào (Xem xét đến giá đỡ treo tường hoặc giá đỡ VESA - chưa có cáp)	2,98 kg (6,57 pound)	2,91 kg (6,42 pound)
Trọng lượng của giá đỡ lắp vào	0,52 kg (1,15 pound)	0,69 kg (1,52 pound)

## Đặc điểm môi trường

Bảng sau đây liệt kê các điều kiện môi trường cho màn hình của bạn:

Số hiệu mẫu	E1916H / E1916He	E2016H	
Nhiệt độ			
<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoạt động</li> <li>Không hoạt động</li> </ul>	0 °C - 40 °C (32 °F - 104 °F) Bảo quản: -20°C - 60°C (-4°F - 140°F) Vận chuyển: -20°C - 60°C (-4°F - 140°F)		
Độ ẩm			
<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoạt động</li> <li>Không hoạt động</li> </ul>	10 % - 80 % (không ngưng tụ) Bảo quản: 5% - 90% (không ngưng tụ) Vận chuyển: 5% - 90% (không ngưng tụ)		
Độ cao			
<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoạt động</li> <li>Không hoạt động</li> </ul>	Tối đa 5.000 m (16.404 ft) Tối đa 12.191 m (40.000 foot)		
Khả năng tản nhiệt	58,0 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 47,8 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn)	64,83 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 51,18 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn)	
Số hiệu mẫu	E2216H	E2316H / E2316Hr	E2416H / E2416HM
Nhiệt độ			
<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoạt động</li> <li>Không hoạt động</li> </ul>	0 °C - 40 °C (32 °F - 104 °F) Bảo quản: -20°C - 60°C (-4°F - 140°F) Vận chuyển: -20°C - 60°C (-4°F - 140°F)		
Độ ẩm			
<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoạt động</li> <li>Không hoạt động</li> </ul>	10 % - 80 % (không ngưng tụ) Bảo quản: 5% - 90% (không ngưng tụ) Vận chuyển: 5% - 90% (không ngưng tụ)		
Độ cao			
<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoạt động</li> <li>Không hoạt động</li> </ul>	Tối đa 5.000 m (16.404 ft) Tối đa 12.191 m (40.000 foot)		
Khả năng tản nhiệt	81,9 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 61,4 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn)	85,3 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 68,3 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn)	92,1 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 75,1 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn)

# Chất lượng và quy định pixel của màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, nó không thông dụng để một hoặc nhiều pixel hơn trở nên cố định trong tình trạng không thay đổi. Kết quả có thể nhìn thấy là một pixel cố định hiển thị dưới dạng một chấm đổi màu tối hoặc sáng cực nhỏ. Khi pixel đó vẫn còn sáng cố định, nó được gọi là “chấm sáng”. Khi pixel đó vẫn còn đen, nó được gọi là “chấm đen”.

Trong hầu hết mọi trường hợp, những pixel cố định này rất khó nhìn thấy và không làm giảm đi chất lượng hoặc khả năng sử dụng của màn hình. Một màn hình có 1 - 5 pixel cố định được xem là bình thường và nằm trong ngưỡng tiêu chuẩn cạnh tranh. Để biết thêm thông tin, xem trang web Hỗ trợ của Dell tại:

<http://www.dell.com/support/monitors>.

## Hướng dẫn bảo dưỡng

### Bảo quản màn hình của bạn

△ **CHÚ Ý:** Đọc và thực hiện theo các hướng dẫn an toàn trước khi lau màn hình.

△ **CHÚ Ý:** Trước khi lau màn hình, hãy rút dây nguồn màn hình khỏi ổ cắm điện.

Để có được các thói quen tốt nhất, hãy thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây trong khi mở thùng đựng, lau chùi hoặc xử lý màn hình của bạn:

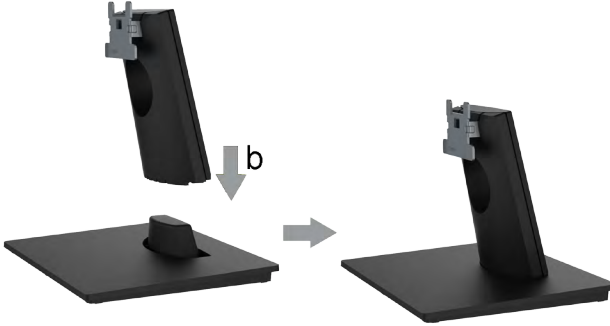
- Để lau màn hình khử tĩnh điện của bạn, thấm hơi ướt khăn mềm sạch bằng nước. Nếu có thể, hãy sử dụng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình đặc biệt thích hợp với lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, dung dịch tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Sử dụng khăn ẩm hơi ẩm để lau các bộ phận bằng nhựa. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa để lại lớp màng sữa trên nhựa.
- Nếu bạn nhìn thấy bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy lau sạch bằng khăn. Bột trắng này xảy ra trong quá trình vận chuyển màn hình.
- Cảm màn hình cẩn thận vì màn hình có màu sắc tối hơn có thể bị trầy xước và hiện ra các vết mòn trắng nhiều hơn so với màn hình có màu sắc sáng hơn.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, hãy sử dụng một trình tiết kiệm màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.

# Cài đặt màn hình

## Gắn giá đỡ

**LƯU Ý:** Để giữ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.

1. Lắp ráp giá đỡ vào đế giữ.



- Đặt đế giữ màn hình lên mặt bàn ổn định.
- Trượt thân giá đỡ màn hình xuống theo đúng hướng vào đế giữ cho đến khi nó phát ra tiếng tách thích hợp.

2. Gắn phần giá đỡ vào màn hình:



E1916H/E1916He/E2016H



E2216H/E2316H/E2316Hr/E2416H/E2416HM

- Đặt màn hình trên khăn mềm hoặc đệm lót gần mép bàn.
- Canh phần giá đỡ thẳng với rãnh màn hình.
- Đẩy giá đỡ hướng về phía màn hình cho đến khi nó khóa chặt thích hợp.

# Kết nối màn hình của bạn

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo **Safety Instructions**.

Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính và ngắt cáp nguồn.
2. Cắm cáp VGA hoặc DisplayPort màu đen vào cổng video tương ứng ở mặt sau máy tính. Không sử dụng ba cáp cùng một lúc. Chỉ sử dụng ba cáp khi chúng được kết nối với ba máy tính khác nhau qua các hệ thống video thích hợp.

## Kết nối cáp VGA



## Kết nối cáp DP



**LƯU Ý:** Các hình đồ họa chỉ được sử dụng vì mục đích minh họa. Hình dạng trên máy tính có thể khác nhau.

# Bố trí cáp



Sau khi kết nối tất cả các loại cáp cần thiết vào màn hình và máy tính, (Xem **phần Connecting Your Monitor** cho phụ kiện cáp), hãy sắp xếp tất cả loại cáp như trình bày ở trên.

## Tháo giá đỡ màn hình

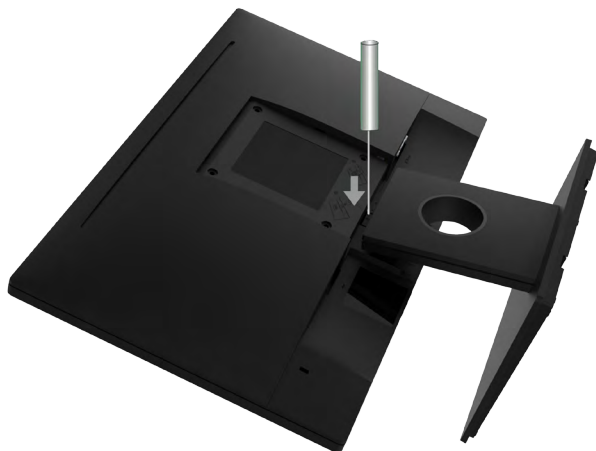
**LƯU Ý:** Tùy chọn này chỉ áp dụng cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kỳ loại giá đỡ nào khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng để biết cách tháo rời.

1. Tháo Nắp đậy VESA.



- a. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót trên bàn phẳng ổn định.
  - b. Nâng lên đồng thời từ hai bên, tháo Nắp đậy VESA ra khỏi màn hình.
2. Gắn phần giá đỡ vào màn hình.





- a. Sử dụng tua vít dài để đẩy chốt nhựa nằm trong lỗ ngay phía trên giá đỡ.
- b. Một khi chốt cài đã nhả, hãy tháo để giữ ra khỏi màn hình.

## Giá treo tường (Tùy chọn)




(Kích thước vít: M4 x 10 mm). Tham khảo các hướng dẫn kèm theo bộ giá treo tường tương thích chuẩn VESA.

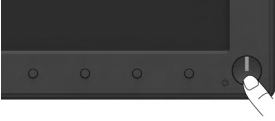
1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót trên bàn phẳng ổn định.
2. Tháo giá đỡ.
3. Dùng tua vít tháo bốn vít siết chặt nắp nhựa.
4. Gắn giá treo từ bộ giá treo tường vào màn hình LCD.
5. Gắn màn hình LCD lên tường bằng cách thực hiện theo các hướng dẫn kèm theo bộ lắp ráp để giữ.

**LƯU Ý:** Chỉ sử dụng với giá treo tường có in chữ UL với trọng lượng/khả năng chịu tải tối thiểu là 2,26 kg (E1916H/E1916He)/2,22kg (E2016H)/2,84 kg (E2216H)/2,98 kg (E2316H/E2316Hr)/2,91 kg (E2416H / E2416HM).

# Sử dụng màn hình

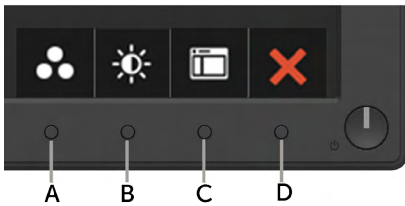
## Bật nguồn màn hình





Nhấn nút  để bật nguồn màn hình.



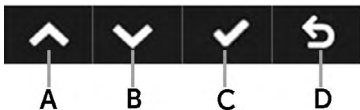
## Sử dụng các nút điều khiển mặt trước





Use the keys nằm phía trước màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.



Nút mặt trước		Mô tả
A	 Preset modes (Chế độ cài sẵn)	Dùng nút <b>Chế độ cài sẵn</b> để chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn. Xem <b><u>Using the OSD Menu</u></b> .
B	 Brightness/Contrast (Độ sáng/độ tương phản)	Sử dụng nút <b>Độ sáng/Độ tương phản</b> để truy cập vào menu điều khiển "Độ sáng" và "Độ tương".
C	 Menu	Dùng nút <b>Menu</b> để mở menu ảo (OSD).
D	 Exit (Thoát)	Dùng nút <b>Thoát</b> để thoát menu ảo (OSD) khỏi menu và các menu phụ.

## Nút mặt trước




Nút mặt trước		Mô tả
A	 Up (Lên)	Dùng nút <b>Lên</b> để chỉnh (tăng các phạm vi) các mục trong menu OSD.
B	 Down (Xuống)	Dùng nút <b>Xuống</b> để chỉnh (giảm các phạm vi) các mục trong menu OSD.
C	 OK	Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn.
D	 Back (Trở về)	Dùng nút <b>Trở về</b> để trở về menu trước.

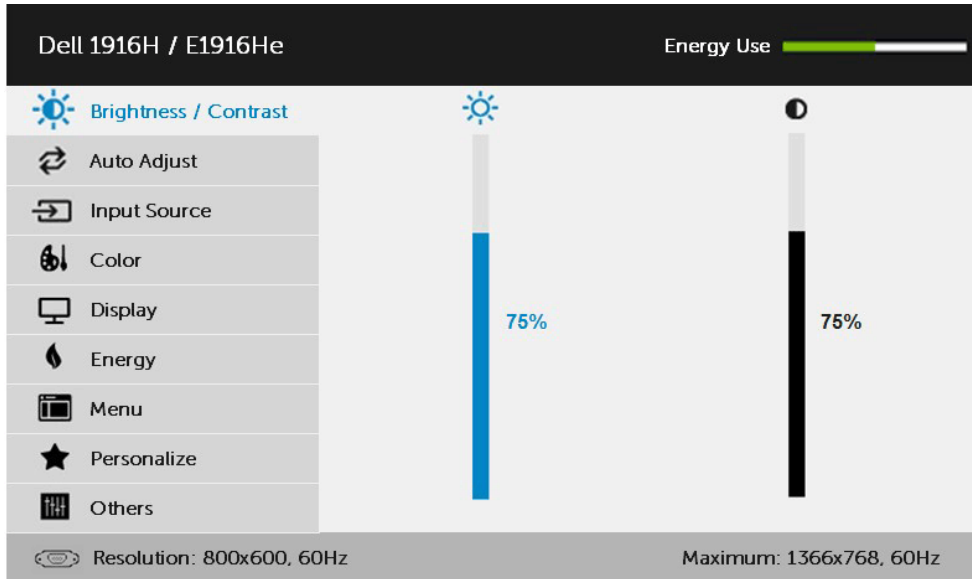
## Sử dụng menu ảo (OSD)

### Truy cập hệ thống menu

**LƯU Ý:** Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiếp tục chuyển sang một menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu lại các thay đổi này. Các thay đổi cũng được lưu lại nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó đợi menu OSD biến mất.

1. Nhấn nút  để mở menu OSD và hiển thị menu chính.

#### Menu chính






Dell E2016H Energy Use 

 **Brightness / Contrast**

-  Auto Adjust
-  Input Source
-  Color
-  Display
-  Energy
-  Menu
-  Personalize
-  Others

 75%  75%

 Resolution: 1280x1024, 60Hz Maximum: 1600x900, 60Hz





Dell E2216H / E2316H / E2416H Energy Use 

 **Brightness / Contrast**

-  Auto Adjust
-  Input Source
-  Color
-  Display
-  Energy
-  Menu
-  Personalize
-  Others











 

 75%  75%


 Resolution: 1280x1024, 60Hz Maximum: 1920x1080, 60Hz





**LƯU Ý:** Tùy chọn Auto Adjust (Chỉnh tự động) chỉ có sẵn khi bạn sử dụng đầu cắm (VGA) tương tự.









2. Nhấn các nút  và  để chuyển đổi giữa các tùy chọn trong Menu. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này đến biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm.
3. Để chọn mục vừa bôi đậm trên menu, nhấn lại nút .
4. Nhấn các nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn nút  để vào thanh trượt và sau đó sử dụng các nút  hoặc  theo các chỉ báo trên menu để thực hiện các thay đổi
6. Chọn  để trở về menu trước mà không chấp nhận các cài đặt hiện hành hoặc  để chấp nhận và trở về menu trước.



Bảng dưới đây cung cấp danh sách tất cả các tùy chọn menu OSD và chức năng liên quan.



Biểu tượng	Menu và các menu phụ	Mô tả
	Energy Use (Sử dụng nguồn điện)	Biểu tượng đo này hiển thị mức điện năng đang được tiêu thụ trong thời gian thực bởi màn hình.
	Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)	Dùng menu Độ sáng và Độ tương phản để chỉnh Độ sáng/Độ tương phản.

Dell 1916H / E1916He Energy Use 





 **Brightness / Contrast**

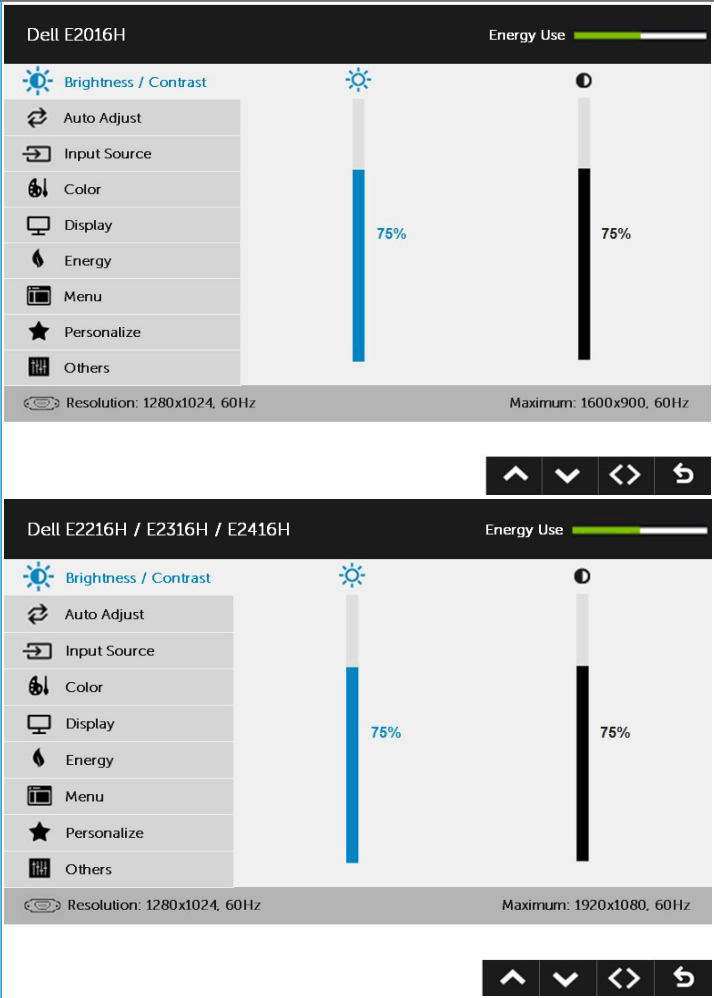




-  Auto Adjust
-  Input Source
-  Color
-  Display
-  Energy
-  Menu
-  Personalize
-  Others

  
  
75%

  
  
75%

Resolution: 800x600, 60Hz Maximum: 1366x768, 60Hz

	
Brightness (Độ sáng)	<p>Cho phép bạn chỉnh độ sáng hoặc độ chói của đèn nền.          Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0 ~ tối đa 100).</p>
Contrast (Độ tương phản)	<p>Cho phép bạn chỉnh độ tương phản hoặc mức độ khác nhau giữa mức sáng và mức tối trên màn hình. Hãy chỉnh độ sáng trước, và chỉ chỉnh độ tương phản nếu bạn cần điều chỉnh thêm.          Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 ~ tối đa 100).</p>



## Auto Adjust (Tự chỉnh)

Dùng nút này để kích hoạt cài đặt tự động và chỉnh menu.

Dell 1916H / E1916He Energy Use

Brightness / Contrast

Auto Adjust Press to adjust the screen automatically.

Input Source

Color

Display

Energy

Menu

Personalize

Others

Resolution: 800x600, 60Hz Maximum: 1366x768, 60Hz



Dell E2016H Energy Use

Brightness / Contrast

Auto Adjust Press to adjust the screen automatically.

Input Source

Color

Display

Energy

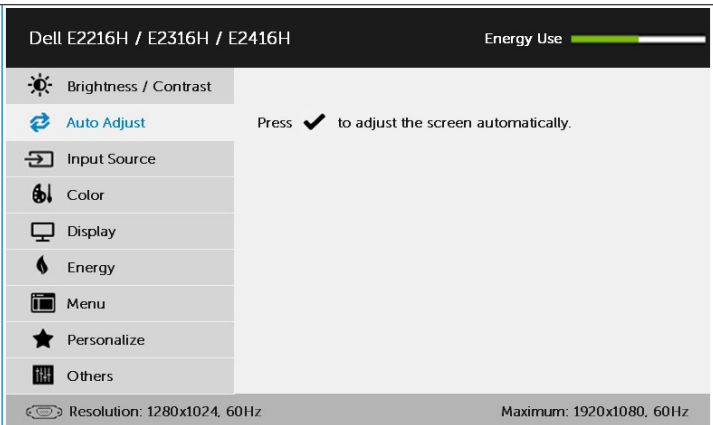
Menu

Personalize

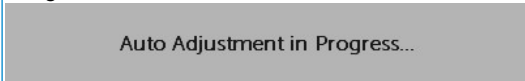
Others

Resolution: 1280x1024, 60Hz Maximum: 1600x900, 60Hz





Hộp thoại sau hiển thị trên màn hình đen khi màn hình tự chỉnh sang đầu vào hiện hành:



Nút Auto Adjustment (Tự chỉnh) cho phép màn hình tự chỉnh sang tín hiệu video đầu vào. Sau khi sử dụng tùy chọn Tự chỉnh, bạn có thể chỉnh thêm màn hình bằng cách sử dụng các nút điều khiển Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) (Thô) và Phase (Pha) (Mịn) trong **Display (Hiển thị)**.

**LƯU Ý:** Nút Auto Adjust (Tự chỉnh) không hiển thị nếu bạn nhấn nút này trong khi không có các tín hiệu đầu vào video hoạt động hoặc cáp đã kết nối.

Tùy chọn này chỉ có sẵn khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) tương tự.





## Input Source (Nguồn vào)

Dùng menu Nguồn vào để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.

Dell 1916H / E1916He Energy Use

Brightness / Contrast	<input checked="" type="checkbox"/> Auto Select
Auto Adjust	VGA
<b>Input Source</b>	DP
Color	
Display	
Energy	
Menu	
Personalize	
Others	

Resolution: 800x600, 60Hz Maximum: 1366x768, 60Hz

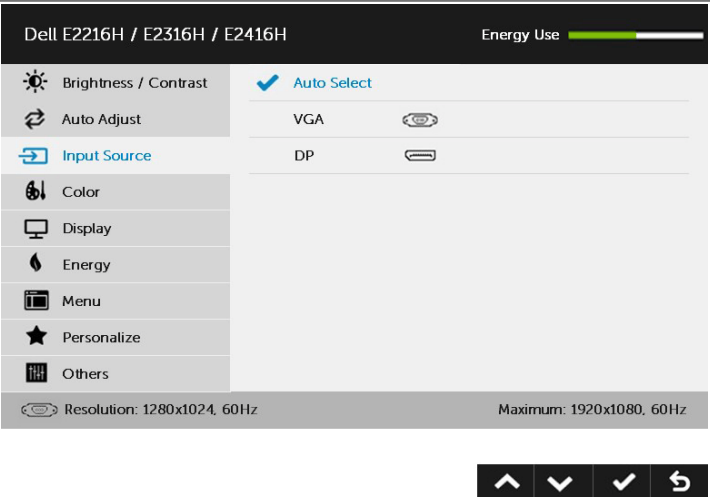






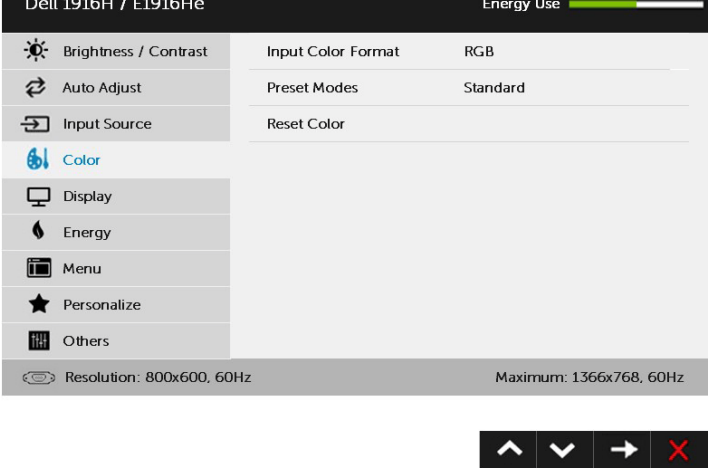



Dell E2016H Energy Use

Brightness / Contrast	<input checked="" type="checkbox"/> Auto Select
Auto Adjust	VGA
<b>Input Source</b>	DP
Color	
Display	
Energy	
Menu	
Personalize	
Others	

Resolution: 1280x1024, 60Hz Maximum: 1600x900, 60Hz













		 <p>Dell E2216H / E2316H / E2416H Energy Use <span style="display: inline-block; width: 100px; height: 10px; background: linear-gradient(to right, green, grey);"></span></p> <p>Brightness / Contrast <span style="float: right;">✓ Auto Select</span></p> <p>Auto Adjust <span style="float: right;">VGA </span></p> <p>Input Source <span style="float: right;">DP </span></p> <p>Color</p> <p>Display</p> <p>Energy</p> <p>Menu</p> <p>Personalize</p> <p>Others</p> <p>Resolution: 1280x1024, 60Hz <span style="float: right;">Maximum: 1920x1080, 60Hz</span></p> <p style="text-align: right;"></p>
	<p><b>Auto Select (Chọn tự động)</b></p>	<p>Chọn Chọn <b>tự động</b> để dò tìm các tín hiệu đầu vào khả dụng.</p>
	<p><b>VGA</b></p>	<p>Chọn đầu vào <b>VGA</b> khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) tương tự. Nhấn  để chọn nguồn vào VGA.</p>
	<p><b>DP:</b></p>	<p>Chọn đầu vào Displayport khi bạn đang sử dụng đầu cắm <b>DP</b>. Nhấn  để chọn nguồn vào DP.</p>
	<p><b>Color (Màu sắc)</b></p>	 <p>Dell 1916H / E1916He Energy Use <span style="display: inline-block; width: 100px; height: 10px; background: linear-gradient(to right, green, grey);"></span></p> <p>Brightness / Contrast <span style="float: right;">Input Color Format <span style="float: right;">RGB</span></span></p> <p>Auto Adjust <span style="float: right;">Preset Modes <span style="float: right;">Standard</span></span></p> <p>Input Source <span style="float: right;">Reset Color</span></p> <p>Color</p> <p>Display</p> <p>Energy</p> <p>Menu</p> <p>Personalize</p> <p>Others</p> <p>Resolution: 800x600, 60Hz <span style="float: right;">Maximum: 1366x768, 60Hz</span></p> <p style="text-align: right;"></p>

	<div style="background-color: #333; color: white; padding: 5px;"> <span style="float: left;">Dell E2016H</span> <span style="float: right;">Energy Use </span> </div> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 5px;"> Brightness / Contrast</td> <td style="width: 50%; padding: 5px;">Input Color Format    RGB</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> Auto Adjust</td> <td style="padding: 5px;">Preset Modes    Standard</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> Input Source</td> <td style="padding: 5px;">Reset Color</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;"> Color</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;"> Display</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;"> Energy</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;"> Menu</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;"> Personalize</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;"> Others</td> </tr> </table> <div style="background-color: #ccc; padding: 5px; margin-top: 5px; font-size: small;"> <span> Resolution: 1280x1024, 60Hz</span> <span style="float: right;">Maximum: 1600x900, 60Hz</span> </div> <div style="text-align: right; margin-top: 10px;"> <span style="background-color: #333; color: white; padding: 2px 10px; border: 1px solid #333;">^</span> <span style="background-color: #333; color: white; padding: 2px 10px; border: 1px solid #333;">v</span> <span style="background-color: #333; color: white; padding: 2px 10px; border: 1px solid #333;">→</span> <span style="background-color: #333; color: white; padding: 2px 10px; border: 1px solid #333;">✖</span> </div> <div style="background-color: #333; color: white; padding: 5px; margin-top: 10px;"> <span style="float: left;">Dell E2216H / E2316H / E2416H</span> <span style="float: right;">Energy Use </span> </div> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 5px;"> Brightness / Contrast</td> <td style="width: 50%; padding: 5px;">Input Color Format    RGB</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> Auto Adjust</td> <td style="padding: 5px;">Preset Modes    Standard</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> Input Source</td> <td style="padding: 5px;">Reset Color</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;"> Color</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;"> Display</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;"> Energy</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;"> Menu</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;"> Personalize</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;"> Others</td> </tr> </table> <div style="background-color: #ccc; padding: 5px; margin-top: 5px; font-size: small;"> <span> Resolution: 1280x1024, 60Hz</span> <span style="float: right;">Maximum: 1920x1080, 60Hz</span> </div> <div style="text-align: right; margin-top: 10px;"> <span style="background-color: #333; color: white; padding: 2px 10px; border: 1px solid #333;">^</span> <span style="background-color: #333; color: white; padding: 2px 10px; border: 1px solid #333;">v</span> <span style="background-color: #333; color: white; padding: 2px 10px; border: 1px solid #333;">→</span> <span style="background-color: #333; color: white; padding: 2px 10px; border: 1px solid #333;">✖</span> </div>	Brightness / Contrast	Input Color Format    RGB	Auto Adjust	Preset Modes    Standard	Input Source	Reset Color	Color		Display		Energy		Menu		Personalize		Others		Brightness / Contrast	Input Color Format    RGB	Auto Adjust	Preset Modes    Standard	Input Source	Reset Color	Color		Display		Energy		Menu		Personalize		Others	
Brightness / Contrast	Input Color Format    RGB																																				
Auto Adjust	Preset Modes    Standard																																				
Input Source	Reset Color																																				
Color																																					
Display																																					
Energy																																					
Menu																																					
Personalize																																					
Others																																					
Brightness / Contrast	Input Color Format    RGB																																				
Auto Adjust	Preset Modes    Standard																																				
Input Source	Reset Color																																				
Color																																					
Display																																					
Energy																																					
Menu																																					
Personalize																																					
Others																																					
<p><b>Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)</b></p>	<p>Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>RGB:</b> Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu phát DVD qua adapter kết nối DP.</li> <li><b>YPbPr:</b> Chọn tùy chọn này nếu đầu phát DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.</li> </ul>																																				

## Preset Modes (Chế độ cài sẵn)


Cho phép bạn chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn.










Dell 1916H / E1916He Energy Use 

 Brightness / Contrast	Input Color Format <span style="float: right;">✔ Standard</span>
 Auto Adjust	<b>Preset Modes</b> <span style="float: right;">Multimedia</span>
 Input Source	Reset Color <span style="float: right;">Paper</span>
 Color	<span style="float: right;">Warm</span>
 Display	<span style="float: right;">Cool</span>
 Energy	<span style="float: right;">Custom Color</span>
 Menu	
 Personalize	
 Others	

Resolution: 800x600, 60Hz Maximum: 1366x768, 60Hz



Dell E2016H Energy Use 

 Brightness / Contrast	Input Color Format <span style="float: right;">✔ Standard</span>
 Auto Adjust	<b>Preset Modes</b> <span style="float: right;">Multimedia</span>
 Input Source	Reset Color <span style="float: right;">Paper</span>
 Color	<span style="float: right;">Warm</span>
 Display	<span style="float: right;">Cool</span>
 Energy	<span style="float: right;">Custom Color</span>
 Menu	
 Personalize	
 Others	

Resolution: 1280x1024, 60Hz Maximum: 1600x900, 60Hz













	<div style="background-color: #333; color: white; padding: 5px;"> <span style="float: left;">Dell E2216H / E2316H / E2416H</span> <span style="float: right;">Energy Use <span style="width: 100px; height: 10px; background: linear-gradient(to right, green, black); display: inline-block;"></span></span> </div> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 5px;"> <span>☀️ Brightness / Contrast</span> </td> <td style="width: 50%; padding: 5px;"> <span>Input Color Format</span> <span style="float: right;">✔️ Standard</span> </td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> <span>🔄 Auto Adjust</span> </td> <td style="padding: 5px;"> <span>Preset Modes</span> <span style="float: right;">Multimedia</span> </td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> <span>📺 Input Source</span> </td> <td style="padding: 5px;"> <span>Reset Color</span> <span style="float: right;">Paper</span> </td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> <span>🎨 Color</span> </td> <td style="padding: 5px;"> <span style="float: right;">Warm</span> </td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> <span>📺 Display</span> </td> <td style="padding: 5px;"> <span style="float: right;">Cool</span> </td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> <span>🔥 Energy</span> </td> <td style="padding: 5px;"> <span style="float: right;">Custom Color</span> </td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> <span>📺 Menu</span> </td> <td></td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> <span>★ Personalize</span> </td> <td></td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> <span>📺 Others</span> </td> <td></td> </tr> </table> <div style="background-color: #ccc; padding: 5px; margin-top: 5px; display: flex; justify-content: space-between;"> <span>🖥️ Resolution: 1280x1024, 60Hz</span> <span>Maximum: 1920x1080, 60Hz</span> </div> <div style="margin-top: 10px; text-align: right;"> <div style="background-color: #333; color: white; padding: 5px; display: inline-block;"> <span>⬆️</span> <span>⬇️</span> <span>✔️</span> <span>↶</span> </div> </div> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Standard (Tiêu chuẩn):</b> Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.</li> <li><b>Multimedia (Đa phương tiện):</b> Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.</li> <li><b>Văn bản:</b> Nạp các cài đặt độ sáng và độ sắc nét để đọc văn bản. Kết hợp phòng nền văn bản để mô phỏng phương tiện văn bản mà không ảnh hưởng đến các hình màu. Chỉ áp dụng cho định dạng đầu vào RGB.</li> <li><b>Warm (Nóng):</b> Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nóng hơn với sắc màu đỏ/vàng.</li> <li><b>Cool (Ngọt):</b> Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị ngọt hơn với sắc màu xanh lam.</li> <li><b>Custom Color (Màu tùy chỉnh):</b> Cho phép bạn tự chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc. Nhấn các nút <span style="color: green;">▼</span> và <span style="color: red;">▲</span> để chỉnh các giá trị Red (Đỏ), Green (Lục) và Blue (Lam) và tạo chế độ màu cài sẵn riêng của bạn.</li> </ul>	<span>☀️ Brightness / Contrast</span>	<span>Input Color Format</span> <span style="float: right;">✔️ Standard</span>	<span>🔄 Auto Adjust</span>	<span>Preset Modes</span> <span style="float: right;">Multimedia</span>	<span>📺 Input Source</span>	<span>Reset Color</span> <span style="float: right;">Paper</span>	<span>🎨 Color</span>	<span style="float: right;">Warm</span>	<span>📺 Display</span>	<span style="float: right;">Cool</span>	<span>🔥 Energy</span>	<span style="float: right;">Custom Color</span>	<span>📺 Menu</span>		<span>★ Personalize</span>		<span>📺 Others</span>	
<span>☀️ Brightness / Contrast</span>	<span>Input Color Format</span> <span style="float: right;">✔️ Standard</span>																		
<span>🔄 Auto Adjust</span>	<span>Preset Modes</span> <span style="float: right;">Multimedia</span>																		
<span>📺 Input Source</span>	<span>Reset Color</span> <span style="float: right;">Paper</span>																		
<span>🎨 Color</span>	<span style="float: right;">Warm</span>																		
<span>📺 Display</span>	<span style="float: right;">Cool</span>																		
<span>🔥 Energy</span>	<span style="float: right;">Custom Color</span>																		
<span>📺 Menu</span>																			
<span>★ Personalize</span>																			
<span>📺 Others</span>																			
<b>Reset Color (Cài lại màu)</b>	Thiết lập lại các cài đặt màu sắc của màn hình về giá trị mặc định gốc.																		








## Display (Hiển thị)


Dùng menu Displays (Hiển thị) để chỉnh các cài đặt hiển thị của màn hình.










**Dell 1916H / E1916He** Energy Use 


 Brightness / Contrast	Aspect Ratio	Wide 16:9
 Auto Adjust	Horizontal Position	50
 Input Source	Vertical Position	50
 Color	Sharpness	50
 <b>Display</b>	Pixel Clock	50
 Energy	Phase	50
 Menu	Reset Display	
 Personalize		
 Others		





 Resolution: 800x600, 60Hz Maximum: 1366x768, 60Hz

**Dell E2016H** Energy Use 

 Brightness / Contrast	Aspect Ratio	Wide 16:9
 Auto Adjust	Horizontal Position	50
 Input Source	Vertical Position	50
 Color	Sharpness	50
 <b>Display</b>	Pixel Clock	50
 Energy	Phase	50
 Menu	Reset Display	
 Personalize		
 Others		

 Resolution: 1280x1024, 60Hz Maximum: 1600x900, 60Hz

	<div style="background-color: #333; color: white; padding: 5px;"> <span style="float: left;">Dell E2216H / E2316H / E2416H</span> <span style="float: right;">Energy Use <span style="width: 100px; height: 10px; background: linear-gradient(to right, green, black); display: inline-block;"></span></span> </div> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 2px;">☀ Brightness / Contrast</td> <td style="width: 25%; padding: 2px;">Aspect Ratio</td> <td style="width: 25%; padding: 2px;">Wide 16:9</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">↻ Auto Adjust</td> <td style="padding: 2px;">Horizontal Position</td> <td style="padding: 2px;">50</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">📺 Input Source</td> <td style="padding: 2px;">Vertical Position</td> <td style="padding: 2px;">50</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">🎨 Color</td> <td style="padding: 2px;">Sharpness</td> <td style="padding: 2px;">50</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">🖥 Display</td> <td style="padding: 2px;">Pixel Clock</td> <td style="padding: 2px;">50</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">🔥 Energy</td> <td style="padding: 2px;">Phase</td> <td style="padding: 2px;">50</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">📄 Menu</td> <td colspan="2" style="padding: 2px;">Reset Display</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">★ Personalize</td> <td colspan="2"></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">📱 Others</td> <td colspan="2"></td> </tr> </table> <div style="background-color: #ccc; padding: 5px; margin-top: 5px; display: flex; justify-content: space-between;"> <span>Resolution: 1280x1024, 60Hz</span> <span>Maximum: 1920x1080, 60Hz</span> </div> <div style="text-align: right; margin-top: 10px;"> <span style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">▲</span> <span style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">▼</span> <span style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">→</span> <span style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px; color: red;">✖</span> </div>	☀ Brightness / Contrast	Aspect Ratio	Wide 16:9	↻ Auto Adjust	Horizontal Position	50	📺 Input Source	Vertical Position	50	🎨 Color	Sharpness	50	🖥 Display	Pixel Clock	50	🔥 Energy	Phase	50	📄 Menu	Reset Display		★ Personalize			📱 Others		
☀ Brightness / Contrast	Aspect Ratio	Wide 16:9																										
↻ Auto Adjust	Horizontal Position	50																										
📺 Input Source	Vertical Position	50																										
🎨 Color	Sharpness	50																										
🖥 Display	Pixel Clock	50																										
🔥 Energy	Phase	50																										
📄 Menu	Reset Display																											
★ Personalize																												
📱 Others																												
Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)	<p>Chỉnh tỷ lệ hình thành Wide (Rộng) 16:9, 4:3 hoặc 5:4.</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Điều chỉnh Rộng 16:9 không bắt buộc ở độ tương phản cài sẵn tối đa 1366 x 768 (cho E1916H/E1916He) hoặc 1600 x 900 (cho E2016H) hoặc 1920 x 1080 (đối E2216H/E2316H/E2316Hr/E2416H / E2416HM).</p>																											
Horizontal Position (Vị trí ngang)	<p>Dùng các nút ▲ hoặc ▼ để chỉnh hình ảnh sang trái và phải. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).</p>																											
Vertical Position (Vị trí dọc)	<p>Dùng các nút ▲ hoặc ▼ để chỉnh hình ảnh lên và xuống. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Điều chỉnh Horizontal Position (Vị trí phương ngang) và Vertical Position (Vị trí phương dọc) chỉ sẵn có cho đầu vào "VGA".</p>																											
Sharpness (Độ sắc nét)	<p>Tính năng này có thể giúp cho hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Dùng ▲ hoặc ▼ để chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.</p>																											
Pixel Clock (Đồng hồ pixel)	<p>Các điều chỉnh Pha và Đồng hồ điểm ảnh cho phép bạn chỉnh màn hình sang lựa chọn ưu tiên của mình. Dùng các nút ▲ hoặc ▼ để chỉnh chất lượng hình ảnh tốt nhất.</p>																											
Phase (Pha)	<p>Nếu chưa đạt được các kết quả mong muốn qua việc điều chỉnh Pha, hãy sử dụng điều chỉnh Đồng hồ điểm ảnh (thô) và sau đó sử dụng lại Pha (mịn).</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Điều chỉnh Đồng hồ điểm ảnh và Pha chỉ có sẵn cho đầu vào VGA.</p>																											
Reset Display (Cài lại hiển thị)	<p>Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt hiển thị mặc định.</p>																											



## Energy (Nguồn điện)

**Dell 1916H / E1916He** Energy Use

Brightness / Contrast	Power Button LED	On During Active
Auto Adjust	Reset Energy	
Input Source		
Color		
Display		
Energy		
Menu		
Personalize		
Others		

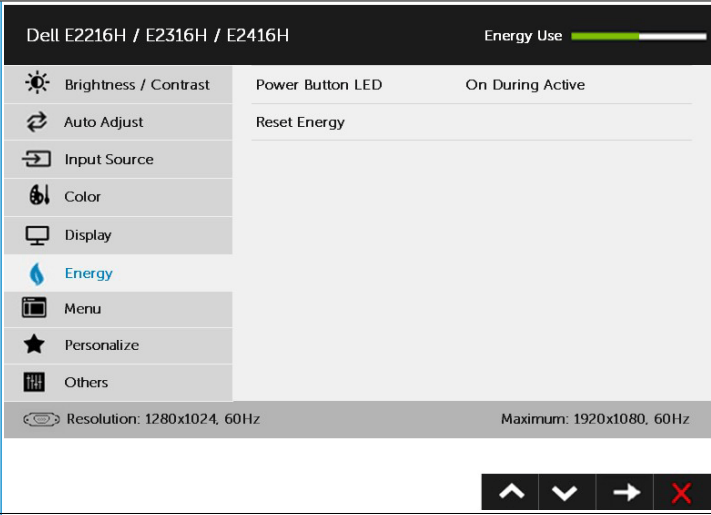
Resolution: 800x600, 60Hz Maximum: 1366x768, 60Hz

**Dell E2016H** Energy Use

Brightness / Contrast	Power Button LED	On During Active
Auto Adjust	Reset Energy	
Input Source		
Color		
Display		
Energy		
Menu		
Personalize		
Others		

Resolution: 1280x1024, 60Hz Maximum: 1600x900, 60Hz



	 <p>The screenshot shows the OSD menu for Dell E2216H / E2316H / E2416H monitors. The 'Energy' menu is selected, showing 'Power Button LED' set to 'On During Active' and a 'Reset Energy' option. The 'Resolution' is set to 1280x1024, 60Hz, with a maximum of 1920x1080, 60Hz. Navigation arrows are visible at the bottom right.</p>
<p><b>Power Button LED (Đèn LED nút nguồn)</b></p>	<p>Cho phép bạn cài đèn báo LED nguồn sang bật hoặc tắt trong khi hoạt động để tiết kiệm điện.</p>
<p><b>Reset Energy (Cài lại năng lượng)</b></p>	<p>Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt nguồn điện mặc định.</p>



## Menu

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này vẫn còn trên màn hình và vân vân.

**Dell 1916H / E1916He** Energy Use

Brightness / Contrast	Language	English
Auto Adjust	Transparency	20
Input Source	Timer	20s
Color	Lock	Unlock
Display	Reset Menu	
Energy		
<b>Menu</b>		
Personalize		
Others		

Resolution: 800x600, 60Hz Maximum: 1366x768, 60Hz

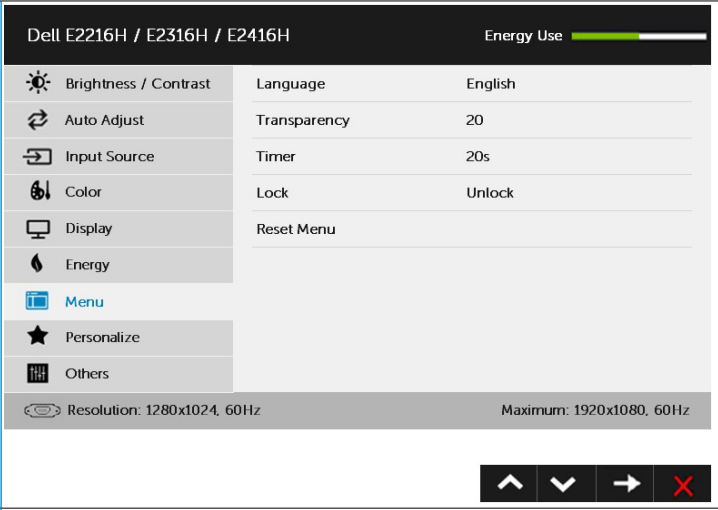




Navigation:

**Dell E2016H** Energy Use

Brightness / Contrast	Language	English
Auto Adjust	Transparency	20
Input Source	Timer	20s
Color	Lock	Unlock
Display	Reset Menu	
Energy		
<b>Menu</b>		
Personalize		
Others		

Resolution: 1280x1024, 60Hz Maximum: 1600x900, 60Hz

Navigation:

	
<b>Language (Ngôn ngữ)</b>	Cho phép bạn cài màn hình OSD sang một trong tám ngôn ngữ: Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha Braxin, Nga, Hoa Giản Thể hoặc Nhật.
<b>Transparency (Độ trong suốt)</b>	Cho phép bạn chỉnh phong nền menu OSD từ mờ sang trong suốt.
<b>Timer (Bộ định giờ)</b>	Cho phép bạn cài giờ mà theo đó menu OSD sẽ vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn nút trên màn hình. Dùng các nút  và  để chỉnh thanh trượt tăng 1 giây từ 5 đến 60.
<b>Lock (Khóa)</b>	Kiểm soát truy cập người dùng vào các điều chỉnh. Khi đã chọn Khóa, bạn không được phép thực hiện các điều chỉnh người dùng. Tất cả các nút bị khóa trừ nút  . LƯU Ý: Khi menu OSD bị khóa, nhấn nút menu sẽ chuyển bạn thẳng đến menu cài đặt OSD với tùy chọn 'OSD Lock' (Khóa OSD) được chọn sẵn trên mục nhập. Nhấn và giữ nút  trong 6 giây để mở khóa và cho phép người dùng truy cập mọi cài đặt áp dụng.
<b>Reset Menu (Cài lại menu)</b>	Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt menu mặc định.



## Personalize (Cá nhân hóa)

Chọn tùy chọn này cho phép bạn cài đặt hai phím tắt.

Dell 1916H / E1916He Energy Use

Brightness / Contrast	Shortcut Key 1	Preset Modes
Auto Adjust	Shortcut Key 2	Brightness / Contrast
Input Source	Reset Personalization	
Color		
Display		
Energy		
Menu		
Personalize		
Others		


Resolution: 800x600, 60Hz Maximum: 1366x768, 60Hz










---


Dell 1916H / E1916He Energy Use





Brightness / Contrast	Shortcut Key 1	Preset Modes
Auto Adjust	Shortcut Key 2	Brightness / Contrast
Input Source	Reset Personalization	
Color		
Display		
Energy		
Menu		
Personalize		
Others		

Resolution: 800x600, 60Hz Maximum: 1366x768, 60Hz

Dell E2216H / E2316H / E2416H Energy Use 


 Brightness / Contrast	Shortcut Key 1	Preset Modes
 Auto Adjust	Shortcut Key 2	Brightness / Contrast
 Input Source	Reset Personalization	
 Color		
 Display		
 Energy		
 Menu		
 Personalize		
 Others		










 Resolution: 1280x1024, 60Hz Maximum: 1920x1080, 60Hz


   





**Shortcut Key (Phím tắt) 1**

Người dùng có thể chọn từ "Preset Modes" (Chế độ cài sẵn), "Brightness/Contrast" (Độ sáng/độ tương phản), "Auto Adjust" (Tự chỉnh), "Input Source" (Nguồn vào) (chỉ áp dụng cho E2715H), "Aspect Ratio" (Tỷ lệ khung hình) và cài đặt làm phím tắt.

Dell 1916H / E1916He Energy Use 

 Brightness / Contrast	Shortcut Key 1	<input checked="" type="checkbox"/> Preset Modes
 Auto Adjust	Shortcut Key 2	Brightness / Contrast
 Input Source	Reset Personalization	Auto Adjust
 Color		Input Source
 Display		Aspect Ratio
 Energy		
 Menu		
 Personalize		
 Others		

 Resolution: 800x600, 60Hz Maximum: 1366x768, 60Hz

Dell E2016H
Energy Use

Brightness / Contrast	Shortcut Key 1	✔ Preset Modes
Auto Adjust	Shortcut Key 2	Brightness / Contrast
Input Source	Reset Personalization	Auto Adjust
Color		Input Source
Display		Aspect Ratio
Energy		
Menu		
<span style="color: blue;">★ Personalize</span>		
Others		

Resolution: 1280x1024, 60Hz
Maximum: 1600x900, 60Hz

▲
▼
→
↺

Dell E2216H / E2316H / E2416H
Energy Use

Brightness / Contrast	Shortcut Key 1	✔ Preset Modes
Auto Adjust	Shortcut Key 2	Brightness / Contrast
Input Source	Reset Personalization	Auto Adjust
Color		Input Source
Display		Aspect Ratio
Energy		
Menu		
<span style="color: blue;">★ Personalize</span>		
Others		

Resolution: 1280x1024, 60Hz
Maximum: 1920x1080, 60Hz

▲
▼
→
↺

## Shortcut Key (Phím tắt) 2

Người dùng có thể chọn từ "Preset Modes" (Chế độ cài sẵn), "Brightness/Contrast" (Độ sáng/độ tương phản), "Auto Adjust" (Tự chỉnh), "Input Source" (Nguồn vào) (chỉ áp dụng cho E2715H), "Aspect Ratio" (Tỷ lệ khung hình) và cài đặt làm phím tắt.

Dell 1916H / E1916He Energy Use

Function	Shortcut Key 1	Preset Modes
Brightness / Contrast	Shortcut Key 1	
Auto Adjust	Shortcut Key 2	✓ Brightness / Contrast
Input Source	Reset Personalization	Auto Adjust
Color		Input Source
Display		Ratio
Energy		
Menu		
Personalize		
Others		

Resolution: 800x600, 60Hz Maximum: 1366x768, 60Hz



Dell E2016H Energy Use

Function	Shortcut Key 1	Preset Modes
Brightness / Contrast	Shortcut Key 1	
Auto Adjust	Shortcut Key 2	✓ Brightness / Contrast
Input Source	Reset Personalization	Auto Adjust
Color		Input Source
Display		Aspect Ratio
Energy		
Menu		
Personalize		
Others		

Resolution: 1280x1024, 60Hz Maximum: 1600x900, 60Hz



Dell E2216H / E2316H / E2416H
Energy Use

<span>☀️ Brightness / Contrast</span> <span>↻ Auto Adjust</span> <span>🖱️ Input Source</span> <span>🎨 Color</span> <span>🖥️ Display</span> <span>🔥 Energy</span> <span>📄 Menu</span> <span>★ Personalize</span> <span>📊 Others</span>	<span>Shortcut Key 1</span> <span>Shortcut Key 2</span> <span>Reset Personalization</span>  <span>Resolution: 1280x1024, 60Hz</span>	<span>Preset Modes</span> <span>✔️ Brightness / Contrast</span> <span>Auto Adjust</span> <span>Input Source</span> <span>Aspect Ratio</span>  <span>Maximum: 1920x1080, 60Hz</span>
---	--	---

⬆️ ⬇️ ⬆️ ↶️

**Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa)**

Cho phép bạn phục hồi phím tắt về cài đặt mặc định.



**Khác**

Dell E1916H / E1916He
Energy Use

<span>☀️ Brightness / Contrast</span> <span>↻ Auto Adjust</span> <span>🖱️ Input Source</span> <span>🎨 Color</span> <span>🖥️ Display</span> <span>🔥 Energy</span> <span>📄 Menu</span> <span>★ Personalize</span> <span>📊 Others</span>	<span>DDC/CI</span> <span>LCD Conditioning</span> <span>Reset Other</span> <span>Factory Reset</span>  <span>Resolution: 800x600, 60Hz</span>	<span>Enable</span> <span>Disable</span>  <span>Reset All Settings</span>  <span>Maximum: 1366x768, 60Hz</span>
---	--	--

⬇️ ⬆️ ➡️ ❌



Dell E2016H
Energy Use

Brightness / Contrast	DDC/CI	Enable
Auto Adjust	LCD Conditioning	Disable
Input Source	Reset Other	
Color	Factory Reset	Reset All Settings
Display		
Energy		
Menu		
Personalize		
Others		

Resolution: 1280x1024, 60Hz
Maximum: 1600x900, 60Hz

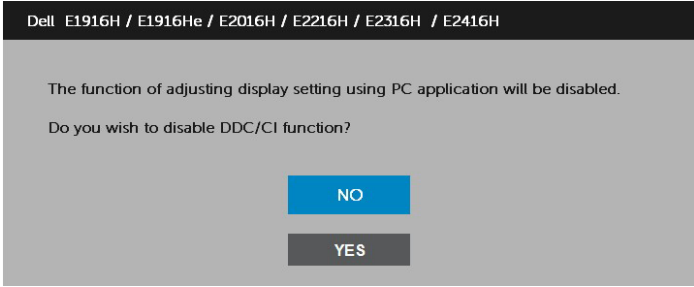
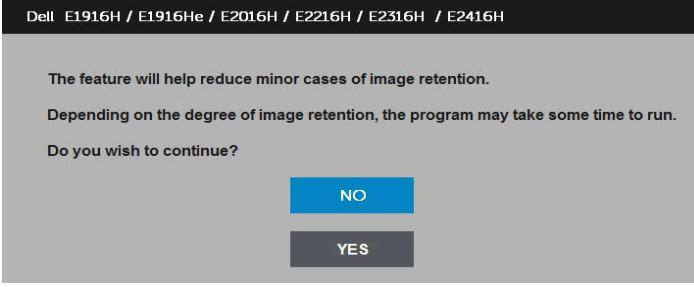
▼
▲
→
✖

Dell E2216H / E2316H / E2416H
Energy Use

Brightness / Contrast	DDC/CI	Enable
Auto Adjust	LCD Conditioning	Disable
Input Source	Reset Other	
Color	Factory Reset	Reset All Settings
Display		
Energy		
Menu		
Personalize		
Others		

Resolution: 1280x1024, 60Hz
Maximum: 1920x1080, 60Hz

▼
▲
→
✖

<p><b>DDC/CI</b></p>	<p>DDC/CI (Kênh dữ liệu màn hình/Giao diện lệnh) cho phép phần mềm trên máy tính điều chỉnh các cài đặt hiển thị màn hình như độ sáng, cân bằng màu sắc, v.v...</p> <p>Enable (Bật) (Mặc định): Tối ưu hóa hiệu suất màn hình và mang lại trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng.</p> <p>Disable (Tắt): Tắt tùy chọn DDC/CI và thông báo sau đây sẽ hiển thị trên màn hình.</p>  <p>The screenshot shows a dialog box with a black header containing the model numbers: Dell E1916H / E1916He / E2016H / E2216H / E2316H / E2416H. The main text reads: "The function of adjusting display setting using PC application will be disabled. Do you wish to disable DDC/CI function?". There are two buttons: a blue "NO" button and a grey "YES" button.</p>
<p><b>LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD)</b></p>	<p>Tính năng này sẽ giúp giảm thiểu các trường hợp giữ ảnh nhẹ. Nếu hình ảnh hiển thị bám dính vào màn hình, chọn Điều tiết màn hình LCD để giúp loại bỏ bất kỳ trường hợp giữ ảnh nào. Dùng tính năng Điều tiết màn hình LCD có thể phải chờ trong giây lát. Tính năng Điều tiết màn hình LCD không thể loại bỏ các trường hợp giữ ảnh hoặc thử nóng nghiêm trọng.</p> <p>LƯU Ý: Chỉ nên sử dụng tính năng Điều tiết màn hình LCD khi bạn gặp phải sự cố giữ ảnh.</p> <p>Thông điệp cảnh báo dưới đây sẽ hiển thị một khi người dùng chọn "Enable" LCD Conditioning ("Bật" Điều tiết màn hình LCD).</p>  <p>The screenshot shows a dialog box with a black header containing the model numbers: Dell E1916H / E1916He / E2016H / E2216H / E2316H / E2416H. The main text reads: "The feature will help reduce minor cases of image retention. Depending on the degree of image retention, the program may take some time to run. Do you wish to continue?". There are two buttons: a blue "NO" button and a grey "YES" button.</p>
<p><b>Cài lại mục khác</b></p>	<p>Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định khác như DDC/CI.</p>
<p><b>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</b></p>	<p>Thiết lập lại mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc.</p>

# Thông báo OSD

Khi màn hình không hỗ trợ chế độ phân giải cụ thể, bạn sẽ nhìn thấy thông báo sau:

## Dell E1916H / E1916He

The current input timing is not supported by the monitor display. Please change your input timing to **1366 x 768, 60Hz** or any other monitor listed timing as per the monitor specifications.



## Dell E2016H

The current input timing is not supported by the monitor display. Please change your input timing to **1600 x 900, 60Hz** or any other monitor listed timing as per the monitor specifications.



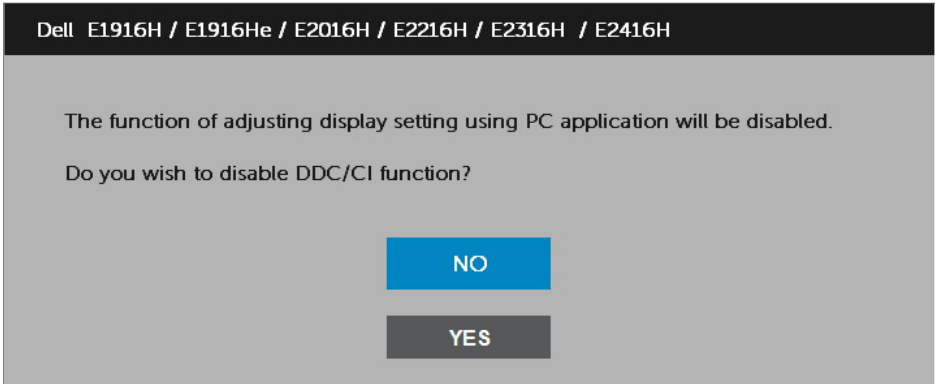
## Dell E2216H / E2316H / E2416H

The current input timing is not supported by the monitor display. Please change your input timing to **1920 x 1080, 60Hz** or any other monitor listed timing as per the monitor specifications.



Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu mà nó đang nhận từ máy tính. Xem **Monitor Specifications** để biết các biên độ tần số ngang và dọc do màn hình này truyền phát. Chế độ khuyến dùng là 1366 x 768 (cho E1916H / E1916He) hoặc 1600 x 900 (cho E2016H) hoặc 1920 x 1080 (cho E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM).

Bạn sẽ nhìn thấy thông điệp sau trước khi bật chức năng DDC/CI.

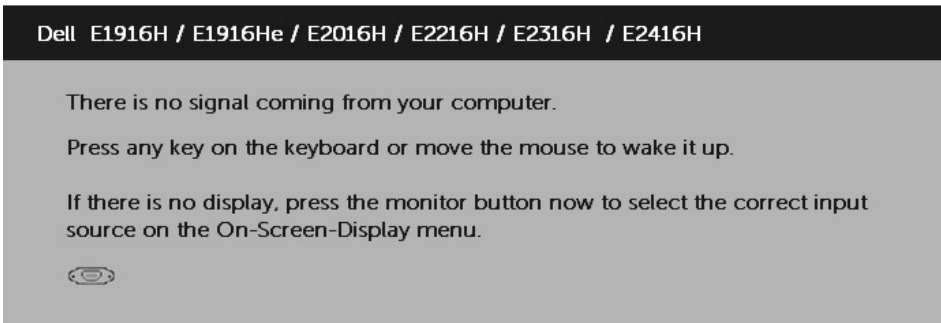


Khi màn hình vào chế độ Power Save (Tiết kiệm điện), thông báo sau đây sẽ hiển thị:

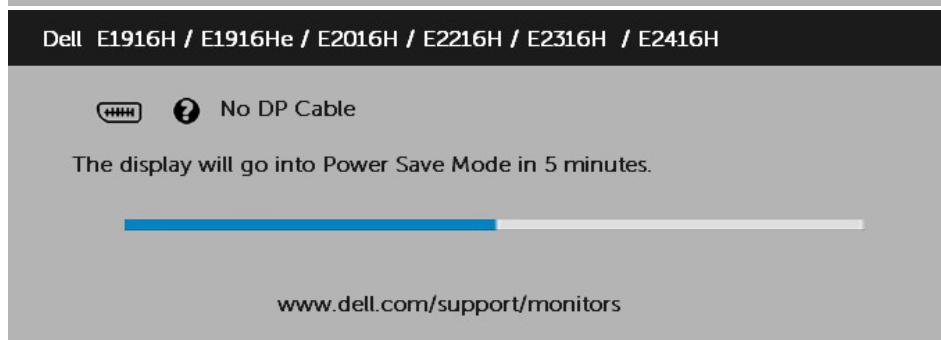
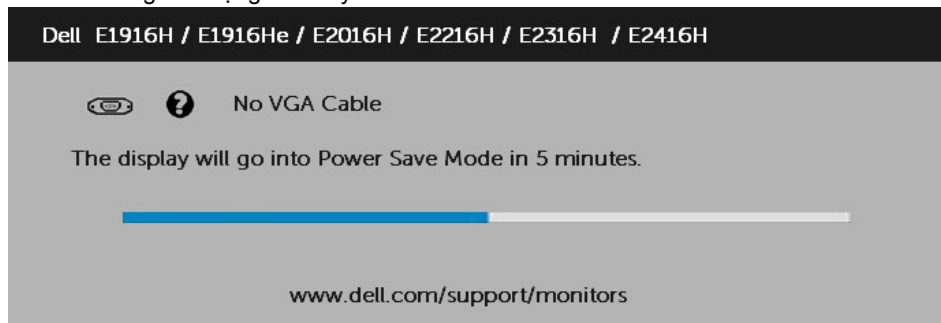


Kích hoạt máy tính và khởi động lại màn hình để truy cập vào OSD.

Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy vào lựa chọn đầu vào:



Nếu chưa cắm cáp VGA hoặc DP, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị. Màn hình sẽ vào **Power Save Mode after 5 minutes (Chế độ tiết kiệm điện sau 5 phút)** nếu vẫn còn giữ ở trạng thái này.



Xem **Solving Problems** để biết thêm thông tin.

# Cài đặt độ phân giải tối đa

Để đạt hiệu suất màn hình tối ưu trong khi dùng các hệ điều hành Microsoft Windows, hãy cài độ phân giải màn hình sang 1366 x 768 (cho E1916H / E1916He) hoặc 1600 x 900 (cho E2016H) hoặc 1920 x 1080 (cho E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM) pixel bằng cách thực hiện các bước sau:

## Trong Windows Vista, Windows 7, Windows 8 hoặc Windows 8.1:

1. Chỉ áp dụng cho Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp Screen Resolution (Độ phân giải màn hình).
3. Nhấp danh sách độ phân giải màn hình số xuống và chọn 1366 x 768 (cho E1916H / E1916He) hoặc 1600 x 900 (cho E2016H) hoặc 1920 x 1080 (cho E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM).
4. Nhấp OK.

## Trong Windows 10:


1. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Display settings (Cài đặt hiển thị)**.
2. Nhấp **Advanced display settings (Cài đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp danh sách **Resolution (Độ phân giải)** số xuống và chọn 1366 x 768 (cho E1916H / E1916He) hoặc 1600 x 900 (cho E2016H) hoặc 1920 x 1080 (cho E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM).
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

Nếu không nhìn thấy 1366 x 768 (cho E1916H / E1916He) hoặc 1600 x 900 (cho E2016H) hoặc 1920 x 1080 (cho E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM) dưới dạng tùy chọn, bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Hãy chọn tình huống dưới đây mô tả tốt nhất về thông máy tính đang sử dụng của bạn, và thực hiện theo các hướng dẫn có sẵn

- 1: **Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell có kết nối internet**
- 2: **Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell**

## Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell có kết nối internet

1. Truy cập [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support), nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.
2. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 1366 x 768 (cho E1916H / E1916He) hoặc 1600 x 900 (cho E2016H) hoặc 1920 x 1080 (cho E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM).

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang 1366 x 768 (cho E1916H / E1916He) hoặc 1600 x 900 (cho E2016H) hoặc 1920 x 1080 (cho E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM), hãy liên hệ với Dell để hỏi thông tin về card đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.


## Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell

Trong Windows Vista, Windows 7, Windows 8 hoặc Windows 8.1:

1. Chỉ áp dụng cho Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp Personalization (Cá nhân hóa).
3. Nhấp Change Display Settings (Đổi cài đặt màn hình).
4. Nhấp Advanced Settings (Cài đặt nâng cao).
5. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
6. Hãy tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
7. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 1366 x 768 (cho E1916H / E1916He) hoặc 1600 x 900 (cho E2016H) hoặc 1920 x 1080 (cho E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM).

Trong Windows 10:

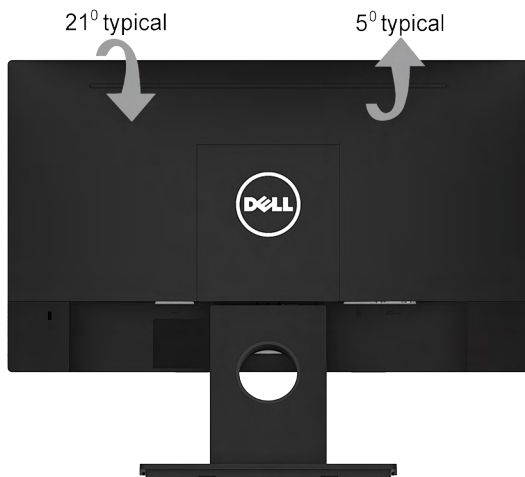
1. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Display settings (Cài đặt hiển thị)**.
2. Nhấp **Advanced display settings (Cài đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp **Display adapter properties (Thuộc tính bộ điều hợp hiển thị)**.
4. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
5. Hãy tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
6. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 1366 x 768 (cho E1916H / E1916He) hoặc 1600 x 900 (cho E2016H) hoặc 1920 x 1080 (cho E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM).

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang 1366 x 768 (cho E1916H / E1916He) hoặc 1600 x 900 (cho E2016H) hoặc 1920 x 1080 (cho E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM), vui lòng liên hệ nhà sản xuất máy tính hoặc xem xét mua card đồ họa vốn sẽ hỗ trợ độ phân giải video 1366 x 768 (cho E1916H / E1916He) hoặc 1600 x 900 (cho E2016H) hoặc 1920 x 1080 (cho E2216H / E2316H / E2316Hr / E2416H / E2416HM).

# Sử dụng độ nghiêng

## Độ nghiêng

Khi lắp đặt giá đỡ, bạn có thể nghiêng màn hình theo góc xem tiện lợi nhất.



**LƯU Ý:** Để giữ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



# Khắc phục sự cố

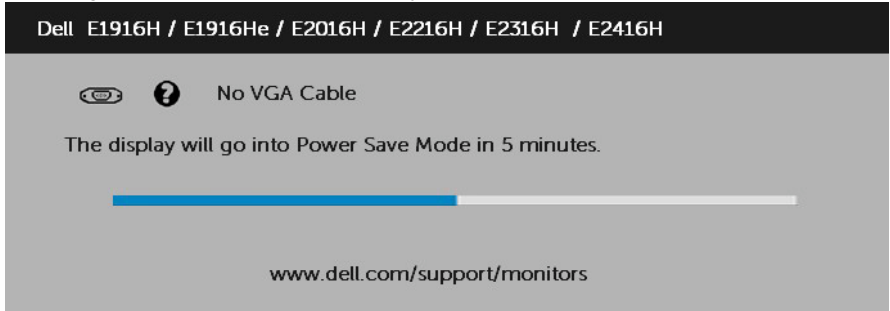
**⚠️ CẢNH BÁO:** Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo Safety Instruction.

## Tự kiểm tra

Màn hình cung cấp chức năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của mình có đang hoạt động thích hợp hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối thích hợp nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt cả máy tính và màn hình.
2. Rút cáp video khỏi mặt sau máy tính. Để đảm bảo sử dụng đúng thao tác Tự kiểm tra, hãy rút cả cáp VGA và DP ra khỏi mặt sau máy tính.
3. Bật màn hình.

Hộp thoại di động sẽ hiển thị trên màn hình (đối diện với phông nền đen) nếu màn hình không thể nhận tín hiệu video nhưng vẫn hoạt động thích hợp. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy theo đầu vào đã chọn, một trong các hộp thoại liệt kê dưới đây sẽ liên tục cuộn qua màn hình.

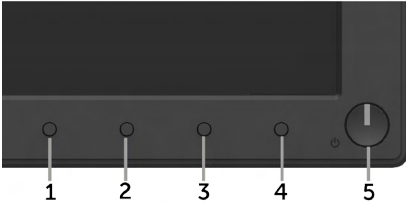


4. Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng hệ thống bình thường nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng. Màn hình sẽ vào **Power Save Mode after 5 minutes (Chế độ tiết kiệm điện sau 5 phút)** nếu vẫn còn giữ ở trạng thái này.
5. Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.

Nếu màn hình vẫn trống sau khi sử dụng quy trình trên, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính vì màn hình của bạn đang hoạt động thích hợp.

# Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp bạn xác định xem sự bất thường của màn hình mà bạn đang gặp phải có phải là sự cố vốn có đối với màn hình hoặc máy tính và card video của bạn.



**LƯU Ý:** Bạn chỉ có thể chạy công cụ chẩn đoán tích hợp khi ngắt cáp video và màn hình ở chế độ tự kiểm tra.

Để chạy chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút (các) cáp video khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Sau đó màn hình chuyển vào chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ đồng thời **Nút 1** và **Nút 4** ở mặt trước trong 2 giây. Màn hình màu xám sẽ hiển thị.
4. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
5. Nhấn lại **Nút 4** ở mặt trước. Màu màn hình sẽ đổi sang đỏ.
6. Kiểm tra màn hình để phát hiện bất kỳ bất thường nào.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra hiển thị trong các màn hình màu lục, lam, đen và trắng.

Quy trình kiểm tra sẽ hoàn tất khi màn hình Text (Văn bản) hiển thị. Để thoát, nhấn lại **Nút 4**.

Nếu bạn không phát hiện bất kỳ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp, màn hình đang hoạt động thích hợp. Kiểm tra card video và máy tính.

# Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây chứa thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi.

Triệu chứng chung	Sự cố bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Không có đèn LED video/nguồn tắt	Không có hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo cáp video kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối thích hợp và an toàn.</li> <li>• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động thích hợp với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.</li> <li>• Đảm bảo nút nguồn được ấn xuống hoàn toàn.</li> <li>• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp qua nút chọn <b>Input Source</b>.</li> <li>• Kiểm tra tùy chọn "Power LED Button" (Nút đèn LED nguồn) dưới thẻ Energy (Nguồn điện) trong menu OSD.</li> </ul>
Không có đèn LED video/nguồn bật	Không có hình hoặc không sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các nút điều khiển tăng độ sáng &amp; độ tương phản qua menu OSD.</li> <li>• Thực hiện kiểm tra tính năng tự kiểm tra.</li> <li>• Kiểm tra xem có các chấu cắm bị cong hoặc vỡ trong đầu cắm cáp video hay không.</li> <li>• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp qua menu chọn <b>Input Source</b>.</li> <li>• Để chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>
Tiêu điểm kém	Hình bị mờ, nhòe hoặc có bóng mờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực hiện Chỉnh tự động qua menu OSD.</li> <li>• Chỉnh các nút điều khiển Pha và Đồng hồ điểm ảnh qua menu OSD.</li> <li>• Loại bỏ các cáp mở rộng video.</li> <li>• Thiết lập màn hình về <b>Factory Settings (Cài đặt mặc định)</b>.</li> <li>• Đổi độ phân giải video sang tỷ lệ khung hình thích hợp (16:9).</li> </ul>
Video rung/chập chờn	Hình gợn sóng hoặc chuyển động chập	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực hiện Chỉnh tự động qua menu OSD.</li> <li>• Chỉnh các nút điều khiển Pha và Đồng hồ điểm ảnh qua menu OSD.</li> <li>• Thiết lập màn hình về <b>Factory Settings (Cài đặt mặc định)</b>.</li> <li>• Kiểm tra các yếu tố môi trường.</li> <li>• Di chuyển màn hình sang vị trí khác và thử trong một phòng khác.</li> </ul>

Thiếu điểm ảnh	Màn hình LCD có các chấm	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Vòng bật/tắt nguồn.</li> <li>• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.</li> </ul> <p>Để biết thêm thông tin về Chính Sách và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ của Dell tại:  <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</p>
Điểm ảnh bị dính	Màn hình LCD có các chấm sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Vòng bật/tắt nguồn.</li> <li>• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.</li> </ul> <p>Để biết thêm thông tin về Chính Sách và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ của Dell tại:  <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</p>
Sự cố độ sáng	Hình quá mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiết lập màn hình về <b>Factory Settings (Cài đặt mặc định)</b>.</li> <li>• Chỉnh tự động qua menu OSD.</li> <li>• Các nút điều khiển chỉnh độ sáng &amp; độ tương phản qua menu OSD.</li> </ul>
Méo hình	Màn hình không canh giữa thích hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiết lập màn hình về <b>Factory Settings (Cài đặt mặc định)</b>.</li> <li>• Chỉnh tự động qua menu OSD.</li> <li>• Các nút điều khiển chỉnh độ sáng &amp; độ tương phản qua menu OSD.</li> </ul> <p><b>LƯU Ý:</b> Khi sử dụng 'DP', các điều chỉnh định vị không có sẵn.</p>
Vạch ngang/dọc	Màn hình có một hoặc nhiều vạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiết lập màn hình về <b>Factory Settings (Cài đặt mặc định)</b>.</li> <li>• Thực hiện Chỉnh tự động qua menu OSD.</li> <li>• Chỉnh các nút điều khiển Pha và Đồng hồ điểm ảnh qua menu OSD.</li> <li>• Thực hiện kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các vạch này có ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li> <li>• Kiểm tra xem có các chấu cắm bị cong hoặc vỡ trong đầu cắm cáp video hay không.</li> </ul> <p><b>LƯU Ý:</b> Khi sử dụng 'DP', các điều chỉnh Đồng hồ điểm ảnh và Pha không có sẵn.</p>

Sự cố đồng bộ hóa	Màn hình bị chong lấp hoặc đường như bị vỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thiết lập màn hình về <b>Factory Settings (Cài đặt mặc định)</b>.</li> <li>Thực hiện Chỉnh tự động qua menu OSD.</li> <li>Chỉnh các nút điều khiển Pha và Đồng hồ điểm ảnh qua menu OSD.</li> <li>Thực hiện kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình chong lấp có hiển thị ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li> <li>Kiểm tra xem có các chấu cắm bị cong hoặc vỡ trong đầu cắm cáp video hay không.</li> <li>Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn.</li> </ul>
Sự cố liên quan đến an toàn	Các dấu hiệu về khói hay tia lửa có thể nhìn thấy	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào.</li> <li>Liên hệ ngay với Dell.</li> </ul>
Sự cố gián đoạn	Giám sát hồng học bật & tắt	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối thích hợp và an toàn.</li> <li>Thiết lập màn hình về <b>Factory Settings (Cài đặt mặc định)</b>.</li> <li>Thực hiện kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li> </ul>
Thiếu màu sắc	Hình ảnh thiếu màu sắc	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện kiểm tra tính năng tự kiểm tra.</li> <li>Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối thích hợp và an toàn.</li> <li>Kiểm tra xem có các chấu cắm bị cong hoặc vỡ trong đầu cắm cáp video hay không.</li> </ul>
Màu sắc không đúng	Màu hình ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đổi Chế độ màu trong menu OSD màu sắc sang Ảnh đồ họa hoặc Video tùy vào ứng dụng.</li> <li>Thử dùng Cài đặt sẵn màu sắc khác nhau trong menu OSD màu sắc. Chỉnh giá trị R/G/B trong menu OSD màu sắc nếu đã tắt Quản lý màu.</li> <li>Đổi Định dạng màu đầu vào sang PC RGB hoặc YPbPr trong menu OSD màu sắc.</li> </ul>

Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn giữ trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị sẽ xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng tính năng Power Management (Quản lý nguồn) để tắt màn hình vào bất cứ lúc nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem <b>Power Management Modes</b>).</li> <li>Ngoài ra, cũng có thể sử dụng trình tiết kiệm điện thay đổi tự động.</li> </ul>
---	---	--

 **LƯU Ý:** Khi chọn chế độ DP, chức năng Auto Adjust (Tự chỉnh) sẽ không có sẵn.

## Sự cố liên quan đến sản phẩm

Triệu chứng cụ thể	Sự cố bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Ảnh màn hình quá nhỏ	Ảnh được canh giữa màn hình, nhưng không hiển thị trên toàn bộ vùng xem	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra cài đặt <b>Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)</b> trong menu OSD Display (Hiển thị).</li> <li>Thiết lập màn hình về <b>Factory Settings (Cài đặt mặc định)</b>.</li> </ul>
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở mặt trước	Menu OSD không hiển thị trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.</li> <li>Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, nhấn và giữ nút bên cạnh nút nguồn trong 10 giây để mở khóa (để biết thêm thông tin, xem phần Lock (Khóa)).</li> </ul>
Không có tín hiệu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng	Không có hình, đèn LED có màu trắng. Khi bạn nhấn các nút “up” (lên), “down” (xuống) hoặc “Menu”, thông báo “No input signal” (Không có tín hiệu vào) sẽ hiển thị.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.</li> <li>Kiểm tra xem cáp tín hiệu đã được cắm vào thích hợp hay không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần thiết.</li> <li>Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video.</li> </ul>
Ảnh không hiển thị trên toàn màn hình	Ảnh không lấp đầy chiều cao hay chiều rộng màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, nên màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.</li> <li>Để chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>

# Sự cố hệ thống loa Dell

Triệu chứng chung	Sự cố bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Không có âm thanh cho hệ thống nơi Hệ thống loa sử dụng nguồn điện từ adapter AC	Không có nguồn điện đến hệ thống loa - đèn báo nguồn tắt	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Vặn nút Power/Volume (Nguồn/Âm lượng) trên Hệ thống loa theo chiều kim đồng hồ sang vị trí giữ; kiểm tra xem đèn báo nguồn (LED màu trắng) ở phía trước Hệ thống loa có chiếu sáng hay không.</li> <li>• Xác nhận xem cáp nguồn từ Hệ thống loa có được cắm vào adapter hay không.</li> </ul>
Không có âm thanh	Hệ thống loa đang có nguồn điện - đèn báo nguồn đang bật	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cắm cáp đầu vào âm thanh vào giắc ra âm thanh trên máy tính.</li> <li>• Cài mọi nút điều khiển âm lượng sang mức tối đa và đảm bảo không bật tùy chọn tắt âm.</li> <li>• Phát một số nội dung âm thanh trên máy tính (ví dụ: CD âm thanh hoặc MP3).</li> <li>• Vặn nút Power/Volume (Nguồn/Âm lượng) trên Hệ thống loa theo chiều kim đồng hồ sang cài đặt âm lượng cao hơn.</li> <li>• Lau sạch và cắm lại phích cắm đầu vào âm thanh.</li> <li>• Kiểm tra Hệ thống loa bằng nguồn âm thanh khác (Ví dụ: đầu phát CD di động, máy nghe nhạc MP3).</li> </ul>
Âm thanh biến dạng	Nguồn âm thanh khác được sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Gỡ bỏ mọi vật cản giữa Hệ thống loa và người dùng.</li> <li>• Xác nhận xem phích cắm âm thanh đã được cắm chặt vào giắc cắm của nguồn âm thanh hay chưa.</li> <li>• Giảm âm lượng của nguồn âm thanh.</li> <li>• Vặn nút Power/Volume (Nguồn/Âm lượng) trên Hệ thống loa ngược chiều kim đồng hồ sang cài đặt âm lượng thấp hơn.</li> <li>• Lau sạch và cắm lại phích cắm đầu vào âm thanh.</li> </ul>

<p>Âm thanh biến dạng</p>	<p>Card âm thanh của máy tính được sử dụng như nguồn âm thanh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Gỡ bỏ mọi vật cản giữa Hệ thống loa và người dùng.</li> <li>• Xác nhận xem phích cắm âm thanh đã được cắm chặt vào giắc cắm trên card âm thanh hay chưa.</li> <li>• Cài mọi nút âm lượng trên Windows sang các điểm ở giữa.</li> <li>• Giảm âm lượng của ứng dụng âm thanh.</li> <li>• Vặn nút Power/Volume (Nguồn/Âm lượng) trên Hệ thống loa ngược chiều kim đồng hồ sang cài đặt âm lượng thấp hơn.</li> <li>• Lau sạch và cắm lại phích cắm đầu vào âm thanh.</li> <li>• Khắc phục sự cố card âm thanh trên máy tính.</li> <li>• Kiểm tra Hệ thống loa bằng nguồn âm thanh khác (Ví dụ: đầu phát CD di động, máy nghe nhạc MP3).</li> <li>• Tránh sử dụng bộ phận mở rộng cáp âm thanh hoặc bộ chuyển đổi giắc cắm âm thanh.</li> </ul>
<p>Đầu ra âm thanh không cân bằng</p>	<p>Âm thanh chỉ phát ra từ một bên Hệ thống loa</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Gỡ bỏ mọi vật cản giữa Hệ thống loa và người dùng.</li> <li>• Xác nhận xem phích cắm âm thanh đã được cắm chặt vào giắc cắm của card âm thanh hoặc nguồn âm thanh hay chưa.</li> <li>• Cài mọi nút điều khiển cân bằng âm thanh trên Windows (Trái-Phải) sang các điểm ở giữa.</li> <li>• Lau sạch và cắm lại phích cắm đầu vào âm thanh.</li> <li>• Khắc phục sự cố card âm thanh trên máy tính.</li> <li>• Kiểm tra Hệ thống loa bằng nguồn âm thanh khác (Ví dụ: đầu phát CD di động, máy nghe nhạc MP3).</li> </ul>
<p>Âm lượng thấp</p>	<p>Âm lượng quá thấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Gỡ bỏ mọi vật cản giữa Hệ thống loa và người dùng.</li> <li>• Vặn nút Power/Volume (Nguồn/Âm lượng) trên Hệ thống loa theo chiều kim đồng hồ sang cài đặt âm lượng tối đa.</li> <li>• Cài mọi nút âm lượng trên Windows sang mức tối đa.</li> <li>• Tăng âm lượng của ứng dụng âm thanh.</li> <li>• Kiểm tra Hệ thống loa bằng nguồn âm thanh khác (Ví dụ: đầu phát CD di động, máy nghe nhạc MP3).</li> </ul>



# Phụ lục

## Hướng dẫn an toàn

**⚠ CẢNH BÁO:** Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về các hướng dẫn an toàn, xem *Hướng dẫn thông tin sản phẩm*.

## Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin Quy định Khác

Về có các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tại [www.dell.com/regulatory\\_compliance](http://www.dell.com/regulatory_compliance).

**Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy Định FCC. Hoạt động tuân thủ hai điều kiện sau đây:**

- (1) Thiết bị này có thể không gây ra nhiễu sóng có hại.
- (2) Thiết bị này phải chấp nhận mọi hiện tượng nhiễu sóng thu được kể cả nhiễu sóng có thể gây ra hậu quả không mong muốn.

## Liên hệ Dell

**Đối với các khách hàng ở Mỹ, hãy gọi số 800-WWW-DELL (800-999-3355).**

**📌 LƯU Ý:** Nếu không có kết nối Internet hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, danh sách đóng gói, hóa đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell của mình.

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và điện thoại. Thời gian có sẵn khác nhau theo từng quốc gia và sản phẩm cũng như một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

**Để có được nội dung hỗ trợ màn hình trực tuyến:**

1. Truy cập [www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors)

**Để liên hệ với Dell liên quan đến các vấn đề hỗ trợ bán hàng, kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:**

1. Truy cập [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support).
2. Xác minh quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu **Choose A Country/Region (Chọn một quốc gia/khu vực)** sổ xuống ở bên trái phía trên trang web.
3. Nhấp **Contact Us (Liên hệ)** ở bên trái phía trên trang web.
4. Chọn liên kết dịch vụ hoặc hỗ trợ thích hợp dựa vào nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ với Dell mà tiện lợi cho bạn.